CÔNG TY CỔ PHẦN
XUẤT NHẬP KHẨU AN GIANG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số : 111 /XNK-CBTT

An Giang, ngày 25 tháng 3 năm 2024

CÔNG BỐ THÔNG TIN ĐỊNH KỲ

Kính gửi: **- Ủy ban Chứng khoán Nhà nước.**
- Sở Giao dịch Chứng khoán TP. HCM.

1. Tên tổ chức: CÔNG TY CP XUẤT NHẬP KHẨU AN GIANG
- Mã chứng khoán: **AGM**
- Địa chỉ: Số 01 Ngô Gia Tự, Phường Mỹ Long, Thành phố Long Xuyên, tỉnh An Giang.
- Điện thoại: 0296. 3844 669 - 9999 999 Fax: 0296.3843 239.
- E-mail: info@angimex.com

2. Nội dung thông tin công bố:

a. Báo cáo Tài chính riêng năm 2023 đã được kiểm toán.
Giải trình Lợi nhuận năm 2023 đã kiểm toán so với Lợi nhuận năm 2022 đã kiểm toán, Giải trình chênh lệch trước và sau kiểm toán và Giải trình ý kiến không chấp nhận toàn phần của Công ty kiểm toán.

b. Báo cáo Tài chính hợp nhất năm 2023 đã được kiểm toán.
Giải trình Lợi nhuận năm 2023 đã kiểm toán so với Lợi nhuận năm 2022 đã kiểm toán, Giải trình chênh lệch trước và sau kiểm toán và Giải trình ý kiến không chấp nhận toàn phần của Công ty kiểm toán.

3. Thông tin này đã được công bố trên trang thông tin điện tử của Công ty CP Xuất nhập khẩu An Giang vào ngày 25/3/2024 tại địa chỉ: http://www.angimex.com.vn.

Chúng tôi xin cam kết các thông tin công bố trên đây là đúng sự thật và hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật về nội dung các thông tin đã công bố

Tài liệu đính kèm:
- Báo cáo Tài chính riêng năm 2023 đã được kiểm toán.
- Báo cáo Tài chính hợp nhất năm 2023 đã được kiểm toán.
- Công văn số 110/XNK-TCKT ngày 25/3/2024 của Công ty CP Xuất nhập khẩu An Giang về việc Giải trình Lợi nhuận năm 2023 đã kiểm toán so với Lợi nhuận năm 2022 đã kiểm toán, Giải trình chênh lệch trước và sau kiểm toán và Giải trình ý kiến không chấp nhận toàn phần của Công ty kiểm toán.

Nơi nhận:
- Như trên
- Lưu: VT, Nguyệt.

CÔNG TY CP XUẤT NHẬP KHẨU AN GIANG
Digitally signed by CÔNG TY CP XUẤT NHẬP KHẨU AN GIANG
DN: C=VN, S=AN GIANG, L=Huyện Châu Thành, CN=CÔNG TY CP XUẤT NHẬP KHẨU AN GIANG, OID.0.9.2342.19200300.100.1.1=MST:1600230737
Reason: I am the author of this document
Location: vnpt1234
Date: 2024-03-25 16:01:48
Foxit Reader Version: 9.3.0

NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT
TỔNG GIÁM ĐỐC

CÔNG TY CP XUẤT NHẬP KHẨU AN GIANG

Huỳnh Thanh Tùng

CÔNG TY CỔ PHẦN XUẤT NHẬP KHẨU AN GIANG

Báo cáo tài chính hợp nhất đã kiểm toán

Năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2023

SVC SVC SVC SVC SVC S
VC SVC SVC SVC SVC SVC

CÔNG TY CỔ PHẦN
XUẤT NHẬP KHẨU AN GIANG

Báo cáo tài chính hợp nhất
đã kiểm toán

Năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2023

MỤC LỤC

		Trang
1.	THÔNG TIN CHUNG	1 - 2
2.	BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC	3
3.	BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP	4 - 8
4.	BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT	9 - 10
5.	BÁO CÁO KẾT QUẢ KINH DOANH HỢP NHẤT	11
6.	BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT	12
7.	THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT	13 - 59

CÔNG TY CỔ PHẦN XUẤT NHẬP KHẨU AN GIANG
Số 1 Ngô Gia Tự, phường Mỹ Long, thành phố Long Xuyên, tỉnh An Giang

THÔNG TIN CHUNG

1. Khái quát về Công ty

Công ty Cổ phần Xuất nhập khẩu An Giang ("Công ty") là một công ty cổ phần được thành lập tại nước CHXHCN Việt Nam theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 5203000083 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Tỉnh An Giang cấp lần đầu ngày 27 tháng 12 năm 2007 và Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 1600230737 điều chỉnh lần thứ 27 ngày 04 tháng 3 năm 2022.

Cổ phiếu của Công ty được niêm yết tại Sở Giao dịch Chứng khoán thành phố Hồ Chí Minh với mã giao dịch là **"AGM"** theo Quyết định số 143/2012/SGD-HCM do Sở Giao dịch Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 14 tháng 9 năm 2012.

2. Hoạt động chính

- Xay xát thóc lúa và sản xuất bột thô;
- Đánh bóng và xuất khẩu gạo;
- Mua bán lương thực và thực phẩm;
- Mua bán xe gắn máy và phụ tùng;
- Sản xuất phân bón và mua bán hóa chất nông nghiệp.

3. Trụ sở đăng ký

Trụ sở chính của Công ty đặt tại số 01 Ngô Gia Tự, phường Mỹ Long, thành phố Long Xuyên, tỉnh An Giang, Việt Nam.

4. Hội đồng quản trị

Họ và tên	*Chức vụ*	*Ngày bổ nhiệm*	*Ngày miễn nhiệm*
Ông Lê Tiến Thịnh	Chủ tịch	29/12/2022	-
Ông Hồ Đăng Dân	Thành viên	28/6/2022	29/6/2023
Ông Võ Kim Nguyên	Thành viên độc lập	28/6/2022	-
Ông Phạm Trung Kiên	Thành viên	29/12/2022	06/11/2023
Ông Nguyễn Đồng Giang	Thành viên	29/12/2022	29/6/2023
Ông Đỗ Minh Đức	Thành viên	29/6/2023	-
Ông Nguyễn Đoàn Mạnh Hiếu	Thành viên	29/6/2023	-
Ông Nguyễn Hữu Phú	Thành viên	06/11/2023	-

5. Ban kiểm soát

Họ và tên	*Chức vụ*	*Ngày bổ nhiệm*	*Ngày miễn nhiệm*
Ông Lâm Trường	Trưởng ban	28/6/2022	29/6/2023
Ông Dương Thanh Bình	Thành viên	28/6/2022	29/6/2023
Ông Huỳnh Minh Phương	Thành viên	29/12/2022	29/6/2023

6. Ủy ban kiểm toán

Họ và tên	*Chức vụ*	*Ngày bổ nhiệm*	*Ngày miễn nhiệm*
Ông Võ Kim Nguyên	Chủ tịch	06/7/2023	-
Ông Đỗ Minh Đức	Thành viên	06/7/2023	-

Theo Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông thường niên số 124/BB-ĐHĐCĐ ngày 29/6/2023, Công ty đã thành lập Ủy ban kiểm toán trực thuộc Hội đồng quản trị thay thế hoạt động cho Ban kiểm soát ngày 29/6/2023.

7. Ban Tổng Giám đốc và Kế toán trưởng

Họ và tên	*Chức vụ*	*Ngày bổ nhiệm*	*Ngày miễn nhiệm*
Ông Huỳnh Thanh Tùng	Tổng Giám đốc	04/3/2022	-
Ông Bùi Việt Dũng	Phó Tổng Giám đốc	22/3/2022	-
Bà Nguyễn Thị Thu Hoa	Phó Tổng Giám đốc	17/3/2023	-
Bà Nguyễn Thị Minh Hồng	Phó Tổng Giám đốc	31/10/2022	17/3/2023
Ông Trần Vũ Đình Thi	Phó Tổng Giám đốc	23/6/2021	03/7/2023
Ông Quách Tất Liệt	Phó Tổng Giám đốc	01/01/2022	03/7/2023
Bà Trần Thị Cẩm Châm	Giám đốc tài chính	13/01/2022	17/3/2023
Bà Trần Thị Cẩm Châm	Kế toán trưởng	22/6/2017	-

Người đại diện theo pháp luật:

Người đại diện theo pháp luật của Công ty đương nhiệm trong năm và đến thời điểm lập Báo cáo này như sau:

Họ và tên	*Chức vụ*
Ông Huỳnh Thanh Tùng	Tổng Giám đốc

8. Kiểm toán viên

Chi nhánh Công ty TNHH Kiểm toán Sao Việt được chỉ định kiểm toán Báo cáo tài chính hợp nhất năm 2023 của Công ty và các Công ty con (gọi chung là "Nhóm Công ty").

Thay mặt Ban Tổng Giám đốc

CÔNG TY CP XUẤT NHẬP KHẨU AN GIANG

HUỲNH THANH TÙNG
Tổng Giám đốc
An Giang, ngày 25 tháng 3 năm 2024

CÔNG TY CỔ PHẦN XUẤT NHẬP KHẨU AN GIANG
Số 1 Ngô Gia Tự, phường Mỹ Long, thành phố Long Xuyên, tỉnh An Giang

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám Đốc Công ty Cổ phần Xuất Nhập Khẩu An Giang ("Công ty") trình bày bản Báo cáo này cùng với các Báo cáo tài chính hợp nhất đã được kiểm toán của Công ty và các Công ty con (gọi chung là "Nhóm Công ty") cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2023.

TRÁCH NHIỆM CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC ĐỐI VỚI BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Ban Tổng Giám đốc của Công ty Cổ phần Xuất Nhập Khẩu An Giang ("Công ty") chịu trách nhiệm lập Báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty và các công ty con (gọi chung là "Nhóm Công ty") thể hiện trung thực và hợp lý tình hình tài chính hợp nhất của Nhóm Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2023, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho năm tài chính kết thúc vào ngày nêu trên. Trong việc lập Báo cáo tài chính hợp nhất này, Ban Tổng Giám đốc được yêu cầu phải:

- Lựa chọn phù hợp và áp dụng nhất quán các chính sách kế toán;
- Thực hiện các xét đoán và các ước tính kế toán một cách hợp lý và thận trọng;
- Trình bày các nguyên tắc kế toán đang được áp dụng, tùy thuộc vào sự khác biệt trọng yếu cần được công bố và giải trình trong Báo cáo tài chính hợp nhất.
- Lập Báo cáo tài chính hợp nhất trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể giả định rằng Nhóm Công ty sẽ tiếp tục hoạt động liên tục.

Ban Tổng Giám đốc xác nhận rằng Nhóm Công ty đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên khi lập Báo cáo tài chính hợp nhất; các sổ kế toán thích hợp được lưu giữ đầy đủ để phản ánh tại bất kỳ thời điểm nào, với mức độ chính xác hợp lý tình hình tài chính hợp nhất của Nhóm Công ty và Báo cáo tài chính hợp nhất được lập tuân thủ các Chuẩn mực kế toán Việt Nam và Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất.

Ban Tổng Giám đốc cũng chịu trách nhiệm đảm bảo an toàn cho tài sản của Nhóm Công ty, vì vậy Nhóm Công ty đã thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và sai phạm khác.

PHÊ DUYỆT BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Ban Tổng Giám đốc phê duyệt các Báo cáo tài chính hợp nhất đính kèm. Báo cáo tài chính hợp nhất này phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính hợp nhất của Nhóm Công ty vào ngày 31 tháng 12 năm 2023, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và các luồng lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho năm tài chính kết thúc vào cùng ngày, được lập phù hợp với các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất.

Thay mặt Ban Tổng Giám đốc

CÔNG TY CP XUẤT NHẬP KHẨU AN GIANG

Huỳnh Thanh Tùng
Tổng Giám đốc
An Giang, ngày 25 tháng 3 năm 2024

Số:16.23.23/2024/BCKTHN/SV – CN1

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

Kính gửi: **CÁC CỔ ĐÔNG, HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN TỔNG GIÁM ĐỐC CÔNG TY CỔ PHẦN XUẤT NHẬP KHẨU AN GIANG**

Chúng tôi đã kiểm toán Báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty Cổ phần Xuất nhập khẩu An Giang ("Công ty") và các công ty con (gọi chung là "Nhóm Công ty") được lập ngày 25 tháng 3 năm 2024 từ trang 9 đến trang 59 kèm theo, bao gồm: Bảng cân đối kế toán hợp nhất tại ngày 31 tháng 12 năm 2023, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất bao gồm các chính sách kế toán chủ yếu.

Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý Báo cáo tài chính hợp nhất của Nhóm Công ty theo Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về Báo cáo tài chính hợp nhất dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các Chuẩn mực Kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi phải tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện công việc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu Báo cáo tài chính hợp nhất của Nhóm Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên Báo cáo tài chính hợp nhất. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán chuyên môn của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong Báo cáo tài chính hợp nhất do gian lận hay nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Nhóm Công ty liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của hệ thống kiểm soát nội bộ của Nhóm Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm việc đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Tổng Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể Báo cáo tài chính hợp nhất.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán ngoại trừ của chúng tôi.

Cơ sở của ý kiến kiểm toán ngoại trừ

- Đến thời điểm phát hành báo cáo này, chúng tôi vẫn chưa nhận được thư xác nhận số dư của các khoản mục công nợ tại ngày 31 tháng 12 năm 2023 với số tiền như sau:

Khoản mục	VND
Phải thu ngắn hạn của khách hàng	37.671.329.850
Trả trước cho người bán ngắn hạn	94.540.390.000
Phải thu ngắn hạn khác	34.059.201.800

Với những tài liệu hiện có của Nhóm Công ty, chúng tôi cũng không thể thực hiện các thủ tục kiểm toán thay thế khác để có thể kiểm tra tính có thực và đầy đủ của số dư các khoản công nợ nêu trên (các khoản công nợ này đã được trích lập dự phòng nợ phải thu khó đòi 100%).

- Báo cáo tài chính hợp nhất cho thấy Nhóm Công ty đã phát sinh khoản lỗ lũy kế tại ngày 31 tháng 12 năm 2023 số tiền 160.173.420.802 VND (tại ngày 01tháng 01 năm 2023 là 70.736.709.418 VND). Khoản lỗ này đã làm cho vốn góp của chủ sở hữu tại ngày 31 tháng 12 năm 2023 bị giảm xuống chỉ còn 21.826.579.198 VND, tương đương 11,99%vốn góp của chủ sở hữu. Và cũng tại ngày này nợ phải trả ngắn hạn của Nhóm Công ty lớn hơn tài sản ngắn hạn là 837.404.307.254 VND, trong đó một phần do bao gồm khoản huy động trái phiếu chuyển từ khoản mục vay dài hạn sang khoản mục vay ngắn hạn là 560.001.000.000 VND (Tại ngày 01/01/2023, Nhóm Công ty có nợ phải trả ngắn hạn lớn hơn tài sản ngắn hạn là 244.912.488.818 VND), và thanh khoản trái phiếu ảnh hưởng đến tình hình hoạt động kinh doanh của Nhóm Công ty. Giả định về hoạt động liên tục của Nhóm Công ty phụ thuộc vào khả năng Nhóm Công ty có thể thanh toán hoặc tái cấu trúc lại các khoản nợ vay và trái phiếu sắp đáo hạn, cũng như thực hiện các giải pháp khác để tạo ra dòng tiền để tài trợ cho hoạt động kinh doanh của Nhóm Công ty như đã được trình bày tại Thuyết minh VIII.7. Những điều kiện này cùng những vấn đề khác được nêu trong thuyết minh VIII.6 cho thấy sự tồn tại của yếu tố không chắc chắn trọng yếu có thể dẫn đến nghi ngờ đáng kể về khả năng hoạt động liên tục của Nhóm Công ty.

- Như đã nêu tại điểm 7.1 mục V của Thuyết minh báo cáo tài chính, khoản tạm ứng của Bà Lương Đặng Xuân để phục vụ cho hoạt động sản xuất kinh doanh của Nhóm Công ty phát sinh từ năm 2021 nhưng đến thời điểm phát hành bản báo cáo này vẫn chưa thực hiện nhưng Nhóm Công ty cũng chưa thu hồi được với số tiền là 28.746.257.760 VND. Theo ý kiến của chúng tôi, khoản nợ tạm ứng nêu trên khó có khả năng thu hồi và có thể là một khoản thiệt hại làm cho tài sản cũng như vốn chủ sở hữu của Nhóm Công ty sụt giảm một khoản tương ứng.

Ý kiến kiểm toán ngoại trừ

Theo ý kiến của chúng tôi, ngoại trừ ảnh hưởng của các vấn đề nêu tại đoạn "Cơ sở của ý kiến kiểm toán ngoại trừ", Báo cáo tài chính hợp nhất đã phản ánh hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của Nhóm Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2023, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất.

Các vấn đề cần nhấn mạnh

Chúng tôi lưu ý người đọc đến Thuyết minh V.5 của Báo cáo tài chính hợp nhất cho thấy Nhóm Công ty đã ký Hợp đồng hợp tác số 01/2021/CBLT-CN ngày 20 tháng 12 năm 2021 với bà Từ Thị Hồng Thanh để thực hiện thu mua lúa gạo. Theo hợp đồng nêu trên, Nhóm Công ty đã tạm ứng cho Bà Từ Thị Hồng Thanh số tiền 62.000.000.000 VND. Trong năm 2022, Bà Từ Thị Hồng Thanh đã thực hiện hoàn được 37.500.000.000 VND, số còn ứng tại ngày 31/12/2023 là 24.500.000.000 VND hiện đã quá hạn thanh toán. Theo Hợp đồng nêu trên, Bà Từ Thị Hồng Thanh cam kết thế chấp quyền sử dụng đất và nhà kho theo Hợp đồng mua bán tài sản đấu giá theo số công chứng 279 ngày 17/8/2021 với giá trị trúng đấu giá là 11.512.000.000 VND. Tuy nhiên, đến nay Nhóm Công ty chưa nắm giữ được tài sản đảm bảo này. Năm 2023, Nhóm Công ty đã nộp hồ sơ khởi kiện Bà Từ Thị Hồng Thanh. Ngày 23/01/2024, Toà án nhân dân thành phố Long Xuyên đã ban hành Quyết định số 55/2024/QĐXXST-ĐS đưa vụ án ra xét xử. Ngày 12/3/2024, Toà mở phiên toà xét xử sơ thẩm và buộc Bà Từ Thị Hồng Thanh có trách nhiệm phải trả số tiền 24.500.000.000 VND cho Công ty.

Chúng tôi cũng lưu ý người đọc đến Thuyết minh V.5 của Báo cáo tài chính hợp nhất cho thấy tại ngày 24 tháng 3 năm 2022, Nhóm Công ty đã chuyển tiền cho Ông Lê Quang Nhuận, căn cước công dân số 089085000196 cấp ngày 27/3/2018 tại Cục Cảnh sát ĐKQL cư trú và DLQG về dân cư, thường trú tại 678 Kinh Dương Vương, An Lạc, Quận Bình Tân, TP. Hồ Chí Minh số tiền 20.000.000.000 VND thông qua tài khoản của bên thụ hưởng số 1018103503 tại Ngân hàng TMCP Sài Gòn – Hà Nội (SHB) – Chi nhánh Phú Nhuận. Đây là khoản tạm ứng để chuyển nhượng quyền sử dụng đất có diện tích là 11.300 m2 tại xã Hòa An, huyện Chợ Mới, tỉnh An Giang. Tuy nhiên, đến nay Ông Lê Quang Nhuận đã không tiến hành ký kết hợp đồng chuyển nhượng Quyền sử dụng đất nêu trên cho Nhóm Công ty cũng không hoàn trả lại cho Nhóm Công ty số tiền đã nhận ứng trước. Ngày 15 tháng 3 năm 2024, Công ty đã làm đơn tố cáo gửi Cơ quan cảnh sát điều tra – Công an tỉnh An Giang và Viện kiểm sát nhân dân tỉnh An Giang để xử lý vụ việc.

Chúng tôi cũng lưu ý người đọc đến Thuyết minh I.4 của Báo cáo tài chính hợp nhất cho thấy vào ngày 18 tháng 01 năm 2023, Hội đồng Quản trị của Công ty đã ban hành Nghị quyết Hội đồng Quản trị số 207/NQ-HĐQT thông qua việc chuyển nhượng 100% vốn góp của Nhóm Công ty tại Công ty TNHH Dịch vụ Phát triển Nông nghiệp Đồng Tháp (Công ty con). Vào ngày 10 tháng 3 năm 2023, Công ty đã ký Hợp đồng chuyển nhượng 98% vốn góp nêu trên cho Công ty TNHH Khánh Tây Đô theo Hợp đồng chuyển nhượng số 94/HĐCNPVG-CTY DASCO. Tại ngày 31/12/2023, Công ty TNHH Dịch vụ Phát triển Nông nghiệp Đồng Tháp (Dasco) không còn là công ty con của Công ty CP Xuất nhập khẩu An Giang. Tuy nhiên, đến ngày 31/12/2023, Công ty TNHH Khánh Tây Đô đã chưa thực hiện thanh toán đầy đủ khoản chuyển nhượng vốn góp theo thoả thuận của Hợp đồng nêu trên với số tiền còn nợ là 17.000.000.000 VND, tương đương 34% giá mua. Ngày 08/01/2024, Nhóm Công ty nộp Đơn tố giác tội phạm đối với Công ty TNHH Khánh Tây Đô đến Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an tỉnh Đồng Tháp. Trường hợp Công ty TNHH Khánh Tây Đô vẫn không thanh toán nợ, Nhóm Công ty sẽ thu hồi phần vốn góp tại Công ty TNHH Dịch vụ Phát triển Nông nghiệp Đồng Tháp tương ứng với số nợ không đòi được.

Chúng tôi cũng lưu ý người đọc đến Thuyết minh V.18 của Báo cáo tài chính hợp nhất, giá trị hợp lý của tài sản thuần theo chứng thư thẩm định giá số 130823 - 01/CT-SP ngày 08/8/2023 do Công ty TNHH Thẩm định giá và đào tạo Song Pha thẩm định chỉ thẩm định lại giá trị của tài sản cố định hữu hình và vô hình mà không thẩm định lại các khoản nợ phải thu khó đòi và tài sản thiếu của Công ty TNHH MTV Chế biến Lương Thực Đồng Tháp. Các khoản nợ phải thu khó đòi và tài sản thiếu này được Nhóm Công ty đưa về xác định lại giá trị lợi thế thương mại tại ngày mua theo ước tính của chúng tôi là 35.364.271.475 VND. Trong đó, bao gồm tiền tạm ứng của nhân viên đã nghỉ việc là 33.359.201.800 VND và tiền thiếu so với tồn quỹ thực tế là 2.005.069.675 VND.

Như đã trình bày tại điểm VI.5 của Thuyết minh báo cáo tài chính, lãi lỗ từ công ty liên doanh liên kết được căn cứ vào các Báo cáo tài chính năm 2023 đã được kiểm toán của các công ty liên doanh liên kết, ngoại trừ Báo cáo tài chính năm 2023 của Công ty TNHH Thương mại Louis Angimex. Do vậy, lãi lỗ từ công ty liên doanh liên kết này có thể thay đổi khi có kết quả kiểm toán Báo cáo tài chính năm 2023 của Công ty TNHH Thương mại Louis Angimex.

Như đã nêu tại điểm I.4 của Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất, trong năm 2023, do tình hình kinh doanh khó khăn nên hai Công ty con mà Nhóm Công ty sở hữu 100% vốn là Công ty TNHH MTV Angimex Định Thành và Công ty TNHH MTV Chế biến lương thực Đồng Tháp đã tạm ngưng hoạt động sản xuất kinh doanh mà chuyển sang cho thuê nhà máy, tài sản.

Vấn đề khác

Báo cáo tài chính hợp nhất của Nhóm Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022 đã được kiểm toán và đưa ra ý kiến chấp nhận toàn phần đối nhưng có các vấn đề cần nhấn mạnh đối với Báo cáo tài chính hợp nhất đó vào ngày 24 tháng 8 năm 2023 như sau:

Mặc dù không đưa ra ý kiến ngoại trừ, chúng tôi lưu ý người đọc đến Thuyết minh VIII.7 của Báo cáo tài chính hợp nhất cho thấy Nhóm Công ty đã phát sinh khoản lỗ lũy kế tại ngày 31 tháng 12 năm 2022 là 70.736.709.418 VND, và cũng tại ngày này nợ phải trả ngắn hạn của Nhóm Công ty lớn hơn tài sản ngắn hạn là 244.912.488.818 VND, trong đó một phần do bao gồm khoản huy động trái phiếu chuyển từ khoản mục vay dài hạn sang khoản mục vay ngắn hạn là 350.000.000.000 VND (Tại ngày 01 tháng 01 năm 2022, Nhóm Công ty có nợ phải trả ngắn hạn thấp hơn tài sản ngắn hạn là 271.909.762.031 VND), và thanh khoản trái phiếu ảnh hưởng đến tình hình hoạt động kinh doanh của Nhóm Công ty. Giả định về hoạt động liên tục của Nhóm Công ty phụ thuộc vào khả năng Nhóm Công ty có thể thanh toán hoặc tái cấu trúc lại các khoản nợ vay và trái phiếu sắp đáo hạn, cũng như thực hiện các giải pháp khác để tạo ra dòng tiền để tài trợ cho hoạt động kinh doanh của Nhóm Công ty như đã được trình bày tại Thuyết minh VIII.8. Những điều kiện này cùng những vấn đề khác được nêu trong thuyết minh VIII.7 cho thấy sự tồn tại của yếu tố không chắc chắn trọng yếu có thể dẫn đến nghi ngờ đáng kể về khả năng hoạt động liên tục của Nhóm Công ty.

Ngoài ra, chúng tôi cũng lưu ý người đọc đến Thuyết minh V.5 của Báo cáo tài chính cho thấy Nhóm Công ty đã nộp hồ sơ khởi kiện đối với khoản tiền trả trước cho Bà Từ Thị Hồng Thanh đến thời điểm này không thu hồi được số tiền 24.500.000.000 VND. Đồng thời, Nhóm Công ty cũng chuẩn bị hồ sơ để khởi kiện đối với khoản tiền trả trước cho Ông Lê Quang Nhuận đến thời điểm này không thu hồi được số tiền 20.000.000.000 VND. Các vấn đề này sẽ tùy thuộc vào sự hợp tác của các bên bị khởi kiện cũng như phán quyết của Tòa án có thẩm quyền.

Đặng Thị Thiên Nga
Giám đốc
Số Giấy CN ĐKHN kiểm toán 0462 -2023-107-1
Chi nhánh Công ty TNHH Kiểm toán Sao Việt
Cần Thơ, ngày 25 tháng 3 năm 2024

Trần Phương Yến
Kiểm toán viên
Số Giấy CN ĐKHN kiểm toán 3601-2021-107-1

Mẫu số : B 01 - DN/HN

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2023

Đơn vị tính: VND

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
A. TÀI SẢN NGẮN HẠN	**100**		**344.928.362.108**	**783.979.014.858**
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	***110***	*V.1*	***7.362.686.712***	***11.226.300.334***
1. Tiền	*111*		7.362.686.712	11.226.300.334
2. Các khoản tương đương tiền	*112*		-	-
II. Đầu tư tài chính ngắn hạn	***120***	*V.2*	***8.828.400.000***	***77.840.000.000***
1. Chứng khoán kinh doanh	*121*		-	62.505.203.375
2. Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh	*122*		-	(38.565.203.375)
3. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	*123*	*V.3*	8.828.400.000	53.900.000.000
III. Các khoản phải thu ngắn hạn	***130***		***282.116.585.499***	***531.975.090.526***
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	*131*	*V.4*	214.967.181.659	147.898.321.286
2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	*132*	*V.5*	163.877.773.245	348.695.532.949
5. Phải thu về cho vay ngắn hạn	*135*	*V.6*	1.700.000.000	5.700.000.000
6. Phải thu ngắn hạn khác	*136*	*V.7*	73.824.657.403	140.886.863.030
7. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	*137*	*V.8*	(172.253.026.808)	(111.205.626.740)
IV. Hàng tồn kho	***140***	*V.9*	***25.086.652.060***	***128.677.894.457***
1. Hàng tồn kho	*141*		25.086.652.060	130.505.545.400
2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	*149*		-	(1.827.650.943)
V. Tài sản ngắn hạn khác	***150***		***21.534.037.837***	***34.259.729.541***
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	*151*	*V.10*	85.260.313	1.949.087.124
2. Thuế GTGT được khấu trừ	*152*		20.948.525.415	32.310.642.417
3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà Nước	*153*	*V.21*	500.252.109	-
B. TÀI SẢN DÀI HẠN	***200***		**892.151.413.225**	**796.820.195.887**
I. Các khoản phải thu dài hạn	***210***		***223.258.632.118***	***2.830.747.406***
2. Trả trước cho người bán dài hạn	*212*	*V.5*	223.240.016.890	-
6. Phải thu dài hạn khác	*216*	*V.7*	18.615.228	2.830.747.406
II. Tài sản cố định	***220***		***445.982.242.233***	***646.279.963.550***
1. Tài sản cố định hữu hình	*221*	*V.11*	170.021.855.560	247.201.941.787
- Nguyên giá	*222*		363.094.791.520	458.745.646.445
- Giá trị hao mòn lũy kế	*223*		(193.072.935.960)	(211.543.704.658)
2. Tài sản cố định thuê tài chính	*224*	*V.12*	82.768.165.836	88.405.663.692
- Nguyên giá	*225*		91.045.137.627	*90.792.387.627*
- Giá trị hao mòn lũy kế	*226*		(8.276.971.791)	*(2.386.723.935)*
3. Tài sản cố định vô hình	*227*	*V.13*	193.192.220.837	310.672.358.071
- Nguyên giá	*228*		205.958.103.987	317.943.464.538
- Giá trị hao mòn lũy kế	*229*		(12.765.883.150)	(7.271.106.467)
IV. Tài sản dở dang dài hạn	***240***		***4.911.600.000***	***10.070.413.840***
2. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	*242*		4.911.600.000	10.070.413.840
V. Đầu tư tài chính dài hạn	***250***		***121.453.032.134***	***90.370.106.269***
2. Đầu tư vào công ty liên kết, liên doanh	*252*	*V.14*	121.149.032.134	90.370.106.269
3. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	*253*	*V.15*	323.950.000	19.950.000
4. Dự phòng giảm giá đầu tư tài chính dài hạn	*254*	*V.16*	(19.950.000)	(19.950.000)
VI. Tài sản dài hạn khác	***260***		***96.545.906.740***	***47.268.964.822***
1. Chi phí trả trước dài hạn	*261*	*V.10*	5.399.497.103	9.126.869.183
5. Lợi thế thương mại	*269*	*V.18*	91.146.409.637	38.142.095.639
TỔNG CỘNG TÀI SẢN	***270***		**1.237.079.775.333**	**1.580.799.210.745**

Mẫu số : B 01 - DN/HN

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2023

Đơn vị tính: VND

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
A. NỢ PHẢI TRẢ	**300**		**1.215.253.196.135**	**1.288.785.900.554**
I. Nợ ngắn hạn	***310***		***1.182.332.669.362***	***1.028.891.503.676***
1. Phải trả người bán ngắn hạn	311	V.19	16.517.831.922	20.898.600.214
2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312	V.20	93.063.358.706	10.870.252.889
3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	V.21	154.336.424	2.047.676.716
4. Phải trả người lao động	314		1.028.503.220	5.088.281.780
5. Chi phí phải trả ngắn hạn	315	V.22	84.826.845.310	26.620.114.839
9. Phải trả ngắn hạn khác	319	V.23	26.347.380.050	5.667.390.867
10. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320	V.24	955.938.077.128	952.978.943.102
12. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322	V.25	4.456.336.602	4.720.243.269
II. Nợ dài hạn	***330***		***32.920.526.773***	***259.894.396.878***
7. Phải trả dài hạn khác	337	V.23	668.200.000	668.200.000
8. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	338	V.24	30.675.378.757	257.236.498.862
12. Dự phòng phải trả dài hạn	342	V.26	1.576.948.016	1.989.698.016
B. VỐN CHỦ SỞ HỮU	**400**		**21.826.579.198**	**292.013.310.190**
I. Vốn chủ sở hữu	***410***	V.27	***21.826.579.198***	***292.013.310.190***
1. Vốn góp của chủ sở hữu	411		182.000.000.000	182.000.000.000
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		182.000.000.000	182.000.000.000
8. Quỹ đầu tư phát triển	418		-	120.464.000.000
10. Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	420		-	5.021.000.000
11. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		(160.173.420.802)	(70.736.709.418)
- LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối kỳ trướ	421a		54.748.290.582	174.173.572.569
- LNST chưa phân phối kỳ này	421b		(214.921.711.384)	(244.910.281.987)
13. Lợi ích của cổ đông không kiểm soát	429		-	55.265.019.608
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN	**440**		**1.237.079.775.333**	**1.580.799.210.745**
			-	-

M.S.D.N: 1600230737 - C.T.C.P. CÔNG TY CP XUẤT NHẬP KHẨU AN GIANG T.P LONG XUYÊN - AN GIANG

Huỳnh Minh Phương	**Trần Thị Cẩm Châm**	**Huỳnh Thanh Tùng**
Người lập	Kế toán trưởng	Tổng Giám đốc
		An Giang, ngày 25 tháng 3 năm 2024

Mẫu số : B 02 - DN/HN

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2023

Đơn vị tính: VND

Chỉ tiêu	Mã số	Thuyết minh	Năm 2023	Năm 2022
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	*01*	*VI.1*	**788.771.843.867**	**3.432.577.474.767**
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	*02*	*VI.1*	807.847.144	2.728.329.936
3. Doanh thu thuần về BH và cung cấp dịch vụ	*10*	*VI.1*	**787.963.996.723**	**3.429.849.144.831**
4. Giá vốn hàng bán	*11*	*VI.2*	768.899.325.495	3.250.300.784.906
5. Lợi nhuận gộp về BH và cung cấp dịch vụ	*20*		**19.064.671.228**	**179.548.359.925**
6. Doanh thu hoạt động tài chính	*21*	*VI.3*	19.723.034.218	75.359.196.332
7. Chi phí tài chính	*22*	*VI.4*	102.881.761.113	163.179.622.119
- Trong đó: Chi phí lãi vay	*23*		111.260.639.541	94.122.569.414
8. Phần lãi hoặc lỗ trong công ty liên doanh, liên kết	24	*VI.5*	(22.637.457.045)	5.126.200.443
9. Chi phí bán hàng	*25*	*VI.6*	46.464.451.126	200.410.712.380
10. Chi phí quản lý doanh nghiệp	*26*	*VI.7*	67.091.195.302	141.827.661.457
11. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	*30*		**(200.287.159.140)**	**(245.384.239.256)**
12. Thu nhập khác	*31*	*VI.8*	19.622.349.686	16.215.860.361
13. Chi phí khác	*32*	*VI.9*	39.969.661.029	1.291.073.925
14. Lợi nhuận khác	*40*		**(20.347.311.343)**	**14.924.786.436**
15. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	*50*		**(220.634.470.483)**	**(230.459.452.820)**
16. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	*51*	*V.21*	231.136.573	1.605.861.295
17. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại	*52*		-	917.444.855
18. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	**60**		**(220.865.607.056)**	**(232.982.758.970)**
19. Lợi nhuận sau thuế của công ty Mẹ	**61**		**(214.921.711.384)**	**(234.162.606.334)**
20. Lợi nhuận sau thuế của CĐ không kiểm soát	**62**		**(5.943.895.672)**	**1.179.847.364**
18. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	**70**	*VI.10*	**(11.809)**	**(12.866)**
19. Lãi suy giảm trên cổ phiếu	**71**	*VI.10*	**(11.809)**	**(12.866)**
			-	-

Huỳnh Minh Phương	**Trần Thị Cẩm Châm**	**Huỳnh Thanh Tùng**
Người lập	Kế toán trưởng	Tổng Giám đốc
		An Giang, ngày 25 tháng 3 năm 2024

CÔNG TY CỔ PHẦN XUẤT NHẬP KHẨU AN GIANG

Mẫu số : B 03 - DN/HN

Địa chỉ: Số 01 Ngô Gia Tự, phường Mỹ Long, Thành phố Long Xuyên, tỉnh An Giang

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2023

(Theo phương pháp gián tiếp)

Đơn vị tính :VND

Chỉ tiêu	Mã số	Năm 2023	Năm 2022
I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH			
1. Lợi nhuận trước thuế	*01*	***(220.634.470.483)***	***(230.459.452.820)***
2. Điều chỉnh cho các khoản:			
- Khấu hao tài sản cố định	*02*	34.418.871.668	28.270.336.021
- Các khoản dự phòng	*03*	(12.704.656.050)	115.716.953.077
- Lãi, lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ	*04*	7.733.986.810	(3.207.665.690)
- Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư	*05*	6.849.052.925	(39.797.043.394)
- Chi phí lãi vay	*06*	111.260.639.541	95.005.100.872
3. Lợi nhuận từ hoạt động KD trước thay đổi vốn lưu động	*08*	***(73.076.575.589)***	***(34.471.771.934)***
- Tăng, giảm các khoản phải thu	*09*	198.985.354.138	68.467.916.434
- Tăng, giảm hàng tồn kho	*10*	105.418.893.340	87.311.876.031
- Tăng, giảm các khoản phải trả (không kể lãi vay, thuế TNDN)	*11*	(137.996.430.024)	(29.002.099.565)
- Tăng, giảm chi phí trả trước	*12*	4.206.286.865	(3.073.933.319)
- Tăng, giảm chứng khoán kinh doanh	*13*	62.505.203.375	(62.505.203.375)
- Tiền lãi vay đã trả	*14*	(51.645.185.539)	(74.410.791.190)
- Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	*15*	(736.841.904)	(9.614.748.650)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	*20*	**107.660.704.662**	**(57.298.755.568)**
II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ			
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các TSDH khác	*21*	(77.644.112.905)	(37.858.944.061)
2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các TSDH khác	*22*	109.433.548.636	62.198.896.260
3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	*23*	(971.066.642)	(158.280.000.000)
4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	*24*	29.571.600.000	139.580.000.000
5. Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	*25*	-	(9.800.000.000)
6. Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	*26*	54.000.000.000	-
7. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	*27*	5.937.053.129	3.178.574.652
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	**30**	**120.327.022.218**	**(981.473.149)**
III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH			
3. Tiền thu từ đi vay	*33*	621.028.030.000	2.931.086.801.802
4. Tiền trả nợ gốc vay	*34*	(844.766.306.987)	(3.059.587.532.523)
5. Tiền chi trả nợ thuê tài chính	*35*	(8.114.807.725)	(33.669.773.533)
Lưu chuyển tiền thuần tư hoạt động tài chính	**40**	**(231.853.084.712)**	**(162.170.504.254)**
Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ	*50*	**(3.865.357.832)**	**(220.450.732.971)**
Tiền và tương đương tiền đầu kỳ	*60*	**11.226.300.334**	**231.677.264.187**
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	*61*	1.744.210	(230.882)
Tiền và tương đương tiền cuối kỳ	*70*	**7.362.686.712**	**11.226.300.334**

Huỳnh Minh Phương	**Trần Thị Cẩm Châm**	**Huỳnh Thanh Tùng**
Người lập	Kế toán trưởng	Tổng Giám đốc

An Giang, ngày 25 tháng 3 năm 2024

I. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TY

1. Hình thức sở hữu vốn

Công ty Cổ phần Xuất nhập khẩu An Giang ("Công ty") là một Công ty cổ phần được thành lập tại nước CHXHCN Việt Nam theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 5203000083 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Tỉnh An Giang cấp lần đầu ngày 27 tháng 12 năm 2007 và Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 1600230737 điều chỉnh lần thứ 27 ngày 04 tháng 3 năm 2022.

Cổ phiếu của Công ty được niêm yết tại Sở Giao dịch Chứng khoán thành phố Hồ Chí Minh (HOSE) với mã giao dịch là "**AGM**" theo Quyết định số 143/2012/SGD-HCM do Sở Giao dịch Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 14 tháng 9 năm 2012.

Theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp, vốn điều lệ của Công ty là 182.000.000.000 VND bao gồm 18.200.000 cổ phần, mệnh giá mỗi cổ phần là 10.000 VND.

2. Hoạt động chính

Hoạt động chính của Công ty và các công ty con ("Nhóm Công ty") bao gồm:

- Xay xát thóc lúa và sản xuất bột thô;
- Đánh bóng và xuất khẩu gạo;
- Mua bán lương thực và thực phẩm;
- Mua bán xe gắn máy và phụ tùng;
- Sản xuất phân bón và mua bán hóa chất nông nghiệp.

3. Chu kỳ sản xuất kinh doanh thông thường

Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường của Nhóm Công ty không quá 12 tháng.

4. Cấu trúc Nhóm Công ty

Trụ sở chính của Công ty đặt tại số 01 Ngô Gia Tự, phường Mỹ Long, thành phố Long Xuyên, tỉnh An Giang, Việt Nam.

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2023, Công ty có các công ty con sau:

TT	Công ty con	Tỷ lệ biểu quyết (%)	Tỷ lệ sở hữu (%)	Hoạt động chính	Trụ sở chính
1.	Công ty TNHH Lương thực Angimex	100,00	100,00	Kinh doanh lương thực	Long Xuyên, An Giang
2.	Công ty TNHH MTV Chế biến Lương thực Angimex	100,00	100,00	Kinh doanh lương thực	Tri Tôn, An Giang
3.	Công ty TNHH MTV Dịch vụ Nông nghiệp Công nghệ cao Angimex	100,00	100,00	Hoạt động dịch vụ nông nghiệp	Thoại Sơn, An Giang
4.	Công ty TNHH MTV Thu mua Lương thực Angimex (*)	100,00	100,00	Mua bán lương thực	Thoại Sơn, An Giang

5.	Công ty TNHH MTV Kỳ Nguyên Xanh (*)	100,00	100,000	Sản xuất các sản phẩm từ trấu	Thoại Sơn, An Giang
6.	Công ty TNHH MTV Angimex Định Thành (*Công ty con của Công ty TNHH MTV Chế biến Lương thực Angimex*) (**)	100,00	100,00	Kinh doanh lương thực	Thoại Sơn, An Giang
7.	Công ty TNHH MTV Chế biến Lương thực Đồng Tháp (*Công ty con của Công ty TNHH MTV Chế biến Lương thực Angimex*) (**)	100,00	100,00	Kinh doanh lương thực	Sa Đéc, Đồng Tháp

(*) Thực tế, tại ngày 31 tháng 12 năm 2023, Công ty chưa góp vốn vào các Công ty con này. Riêng Công ty TNHH thu mua lương thực Angimex, Công ty đã làm thủ tục giải thể, đóng mã số thuế vào ngày 29 tháng 03 năm 2023.

(**) Trong năm 2023, Công ty TNHH MTV Angimex Định Thành và Công ty TNHH MTV Chế biến lương thực Đồng Tháp không có hoạt động sản xuất kinh doanh mà chủ yếu tạm cho thuê nhà máy, kho và tài sản.

Vào ngày 18 tháng 01 năm 2023, Hội đồng Quản trị của Công ty đã ban hành Nghị quyết Hội đồng Quản trị số 207/NQ-HĐQT thông qua việc chuyển nhượng 100% vốn góp của Công ty tại Công ty TNHH Dịch vụ Phát triển Nông nghiệp Đồng Tháp (Công ty con). Vào ngày 10 tháng 3 năm 2023, Công ty đã ký Hợp đồng chuyển nhượng 98% vốn góp nêu trên cho Công ty TNHH Khánh Tây Đô theo Hợp đồng chuyển nhượng số 94/HĐCNPVG-CTY DASCO. Tại ngày 31/12/2023, Công ty TNHH Dịch vụ Phát triển Nông nghiệp Đồng Tháp không còn là công ty con của Công ty CP Xuất nhập khẩu An Giang. Tuy nhiên, đến ngày 31/12/2023, Công ty TNHH Khánh Tây Đô đã chưa thực hiện thanh toán đầy đủ khoản chuyển nhượng vốn góp theo thoả thuận của Hợp đồng nêu trên với số tiền còn nợ là 17.000.000.000 VND, tương đương 34% giá mua. Ngày 08/01/2024, Công ty nộp Đơn tố giác tội phạm đối với Công ty TNHH Khánh Tây Đô đến Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an tỉnh Đồng Tháp. Trường hợp Công ty TNHH Khánh Tây Đô vẫn không thanh toán nợ, Công ty sẽ thu hồi phần vốn góp tại Dasco tương ứng với số nợ không đòi được.

Vào ngày 19 tháng 12 năm 2023, Hội đồng Quản trị của Công ty đã ban hành Nghị quyết Hội đồng Quản trị số 291A/NQ-HĐQT thông qua việc chuyển nhượng 21% vốn góp của Công ty tại Công ty TNHH Angimex Furious (Công ty con). Vào ngày 19 tháng 12 năm 2023, Công ty đã ký Hợp đồng chuyển nhượng 21% vốn góp nêu trên cho Công ty CP The Golden Group theo Hợp đồng chuyển nhượng số 1912/HĐCN/2023. Tại ngày 27/12/2023, Công ty chính thức chuyển nhượng 21% vốn góp tại Công ty TNHH Angimex Furious nêu trên và Công ty TNHH Angimex Furious không còn là công ty con của Công ty CP Xuất nhập khẩu An Giang mà chuyển thành Công ty liên kết với tỷ lệ sở hữu vốn là 49%.

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2023, Công ty có các công ty liên doanh, liên kết sau:

TT	Công ty liên doanh, liên kết	Tỷ lệ biểu quyết (%)	Tỷ lệ sở hữu (%)	Hoạt động chính	Trụ sở chính
1.	Công ty TNHH Angimex - Kitoku	32,96	32,96	Xuất nhập khẩu gạo	Long Xuyên, An Giang
2.	Công ty TNHH Thương mại Sài Gòn - An Giang	25,00	25,00	Kinh doanh siêu thị	Long Xuyên, An Giang
3.	Công ty CP Golden Paddy	29,55	29,55	Sản xuất và kinh doanh lương thực	Châu Thành, An Giang
4.	Công ty TNHH Thương mại Louis - Angimex (&)	49,00	49,00	Kinh doanh lương thực	TP.Hồ Chí Minh
5.	Công ty TNHH Angimex Furious	49,00	49,00	Mua bán xe gắn máy và phụ tùng; và dịch vụ sửa chữa	Long Xuyên, An Giang

(&) Ngày 20/4/2023, Cty TNHH Thương Mại Louis Angimex được Sở kế hoạch và đầu tư TP.HCM xác nhận về việc tạm ngừng kinh doanh từ ngày 01/5/2023 đến 30/4/2024, lý do tạm ngừng: Kinh doanh không hiệu quả.

Chi nhánh trực thuộc Công ty

- Chi nhánh tại Thành phố Hồ Chí Minh đặt tại tầng 4, số 353 – 355 An Dương Vương, Phường 3, Quận 5, Thành phố Hồ Chí Minh.
- Hoạt động của Chi nhánh: kinh doanh lương thực.

5. Nhân viên

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2023, tổng số nhân viên của Nhóm Công ty là 111 nhân viên.
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2022, tổng số nhân viên của Nhóm Công ty là 377 nhân viên.

6. Thông tin so sánh

Các số liệu trên Báo cáo tài chính hợp nhất kết thúc vào ngày 31/12/2023 so sánh được với số liệu tương ứng của năm trước.

II. KỲ KẾ TOÁN, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN

1. Năm tài chính

Năm tài chính của Nhóm Công ty bắt đầu từ ngày 01/01 và kết thúc vào ngày 31/12 hàng năm.

2. Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Đơn vị tiền tệ được sử dụng trong kế toán là đồng Việt Nam (VND).

III. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG

1. Chế độ kế toán áp dụng

Nhóm Công ty áp dụng các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam được ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính về hướng dẫn Chế độ kế toán Doanh nghiệp và các thông tư hướng dẫn thực hiện chuẩn mực kế toán Việt Nam của Bộ Tài Chính trong việc lập và trình bày báo cáo tài chính và Thông tư số 202/2014/TT/BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài Chính hướng dẫn phương pháp lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất.

Theo đó, Bảng cân đối kế toán hợp nhất tại ngày 31/12/2023, báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất, báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất và thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất kết thúc cùng ngày được trình bày kèm theo và việc sử dụng các báo cáo này không dành cho các đối tượng không được cung cấp các thông tin về các thủ tục và nguyên tắc và thông lệ kế toán tại Việt Nam và hơn nữa không được chủ định trình bày tài chính hợp nhất, kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất, báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán được chấp nhận rộng rãi ở các nước và lãnh thổ khác ngoài Việt Nam.

2. Tuyên bố về tuân thủ Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán

Ban Tổng Giám đốc đảm bảo đã tuân thủ yêu cầu của các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam được ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính về hướng dẫn Chế độ kế toán Doanh nghiệp và các thông tư hướng dẫn thực hiện chuẩn mực kế toán Việt Nam của Bộ Tài Chính trong việc lập và trình bày báo cáo tài chính và Thông tư số 202/2014/TT/BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài Chính hướng dẫn phương pháp lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất.

3. Các thay đổi quan trọng trong chính sách kế toán áp dụng: không có.

IV. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG

1. Cơ sở hợp nhất báo cáo tài chính

Công ty con

Công ty con là những doanh nghiệp mà Nhóm Công ty có quyền chi phối các chính sách tài chính và hoạt động của doanh nghiệp nhằm thu được lợi ích kinh tế từ các hoạt động của doanh nghiệp đó, thường đi kèm là việc nắm giữ hơn một nửa quyền biểu quyết. Sự tồn tại và tính hữu hiệu của quyền biểu quyết tiềm tàng đang được thực thi hoặc được chuyển đổi sẽ được xem xét khi đánh giá liệu Nhóm Công ty có quyền kiểm soát doanh nghiệp hay không. Công ty con được hợp nhất toàn bộ kể từ ngày quyền kiểm soát đã chuyển giao cho Nhóm Công ty. Việc hợp nhất chấm dứt kể từ lúc quyền kiểm soát không còn.

Phương pháp kế toán mua được Nhóm Công ty sử dụng để hạch toán việc mua công ty con. Chi phí mua được ghi nhận theo giá trị hợp lý của các tài sản đem trao đổi, công cụ vốn được phát hành và các khoản nợ phải trả đã phát sinh hoặc đã thừa nhận tại ngày diễn ra việc trao đổi, cộng với các chi phí liên quan trực tiếp đến việc mua. Các tài sản xác định được, nợ phải trả và những khoản nợ tiềm tàng đã được thừa nhận khi hợp nhất kinh doanh được xác định trước hết theo giá trị hợp lý tại ngày mua không kể đến lợi ích của cổ đông không kiểm soát. Khoản vượt trội giữa chi

phí mua so với phần sở hữu của bên mua trong giá trị tài sản thuần được xem là lợi thế thương mại. Nếu phần sở hữu bên mua trong giá trị hợp lý tài sản thuần lớn hơn chi phí mua, phần chênh lệch được ghi nhận ngay vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất.

Trong giao dịch hợp nhất kinh doanh qua nhiều giai đoạn, khi xác định lợi thế thương mại hoặc lãi từ giao dịch mua giá rẻ, giá phí khoản đầu tư vào công ty con được tính là tổng của giá phí tại ngày đạt được quyền kiểm soát công ty con cộng với giá phí của những lần trao đổi trước đã được đánh giá lại theo giá trị hợp lý tại ngày công ty mẹ kiểm soát công ty con.

Giao dịch, công nợ và các khoản lãi, các khoản lỗ chưa thực hiện phát sinh giữa các công ty trong cùng Nhóm Công tỵ được loại trừ khi hợp nhất.

Chính sách kế toán của công ty con cũng thay đổi nếu cần thiết để đảm bảo sự nhất quán với chính sách kế toán đang được Nhóm Công ty áp dụng.

Chính sách kế toán của công ty con cũng thay đổi nếu cần thiết để đảm bảo sự nhất quán với chính sách kế toán đang được Nhóm Công ty áp dụng. Báo cáo tài chính của các công ty trong Nhóm Công ty sử dụng để hợp nhất phải được lập cho cùng một kỳ kế toán. Nếu ngày kết thúc kỳ kế toán khác nhau, thời gian chênh lệch không vượt quá 3 tháng. Báo cáo tài chính sử dụng để hợp nhất phải được điều chỉnh cho ảnh hưởng của những giao dịch và sự kiện quan trọng xảy ra giữa ngày kết thúc kỳ kế toán của các công ty và ngày kết thúc kỳ kế toán của Nhóm Công ty. Độ dài của năm báo cáo và sự khác nhau về thời điểm lập báo cáo tài chính phải được thống nhất qua các năm.

Nghiệp vụ và lợi ích của cổ đông không kiểm soát

Nhóm Công ty áp dụng chính sách cho các nghiệp vụ đối với cổ đông không kiểm soát giống như nghiệp vụ với các bên không thuộc Nhóm Công ty.

Lợi ích cổ đông không kiểm soát được xác định theo tỷ lệ phần sở hữu của cổ đông không kiểm soát trong tài sản thuần của đơn vị bị mua lại tại ngày mua.
Những giao dịch làm thay đổi tỷ lệ sở hữu của Nhóm Công ty trong công ty con mà không dẫn đến mất quyền kiểm soát được kế toán tương tự như các giao dịch vốn chủ sở hữu. Chênh lệch giữa giá trị thay đổi phần sở hữu của Nhóm Công ty trong tài sản thuần của công ty con và số chi hoặc thu từ việc thoái vốn tại công ty con được ghi nhận vào lợi nhuận sau thuế chưa phân phối thuộc vốn chủ sở hữu.

Những giao dịch làm thay đổi tỷ lệ sở hữu của Nhóm Công ty trong công ty con dẫn đến việc mất quyền kiểm soát đối với công ty con, thì chênh lệch giữa giá trị thay đổi phần sở hữu của Nhóm Công ty trong tài sản thuần của công ty con và số chi hoặc thu từ việc thoái vốn tại công ty con được ghi nhận vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất. Phần sở hữu còn lại trong công ty này sẽ được hạch toán như một khoản đầu tư tài chính thông thường hoặc kế toán theo phương pháp vốn chủ sở hữu kể từ khi công ty mẹ không còn nắm quyền kiểm soát công ty con.

Liên doanh và công ty liên kết

Liên doanh là thỏa thuận bằng hợp đồng của hai hoặc nhiều bên để cùng thực hiện hoạt động kinh tế, mà hoạt động này được đồng kiểm soát bởi các bên góp vốn liên doanh. Công ty liên kết là tất cả các công ty trong đó Nhóm Công ty có ảnh hưởng đáng kể nhưng không phải kiểm soát, thường được thể hiện thông qua việc nắm giữ từ 20% đến 50% quyền biểu quyết ở công ty đó. Các khoản

đầu tư vào liên doanh và các công ty liên kết được hạch toán theo phương pháp vốn chủ sở hữu và được ghi nhận ban đầu theo giá gốc. Khoản đầu tư của Nhóm Công ty vào liên doanh và công ty liên kết bao gồm lợi thế thương mại phát sinh khi đầu tư, trừ đi những khoản giảm giá tài sản lũy kế.

Lợi nhuận của Nhóm Công ty được chia sau khi đầu tư vào các liên doanh và các công ty liên kết sẽ được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất. Các khoản thay đổi lũy kế sau khi đầu tư vào liên doanh và các công ty liên kết được điều chỉnh vào giá trị ghi sổ của khoản đầu tư. Khi phần lỗ trong liên kết bằng hoặc vượt quá lợi ích của Nhóm Công ty trong liên doanh và các công ty liên kết, Nhóm Công ty sẽ không ghi nhận khoản lỗ vượt đó trừ khi đã phát sinh nghĩa vụ hoặc đã thanh toán hộ cho liên doanh và các công ty liên kết.

Các chính sách kế toán của các bên liên doanh, liên kết được thay đổi khi cần thiết để đảm bảo sự nhất quán với chính sách kế toán mà Nhóm Công ty áp dụng.

Các khoản lãi hay lỗ chưa thực hiện từ các giao dịch nội bộ giữa Nhóm Công ty với các bên liên doanh, liên kết sẽ được loại trừ tới mức tương ứng với phần lợi ích của Nhóm Công ty trong các bên liên doanh, liên kết theo quy định kế toán hiện hành.

2. Các giao dịch bằng ngoại tệ

Các nghiệp vụ kinh tế phát sinh trong kỳ bằng ngoại tệ được chuyển đổi thành VND theo tỷ giá giao dịch thực tế của nghiệp vụ kinh tế phát sinh. Chênh lệch tỷ giá phát sinh do việc chuyển đổi nêu trên được ghi nhận vào chi phí tài chính, hoặc doanh thu hoạt động tài chính trên kết quả hoạt động kinh doanh của kỳ kế toán.

Cuối kỳ kế toán, số dư của các khoản tiền mặt, tiền gửi ngân hàng, nợ phải thu và nợ phải trả có gốc ngoại tệ được đánh giá lại theo tỷ giá của ngân hàng thương mại nơi doanh nghiệp mở tài khoản công bố tại thời điểm lập Báo cáo tài chính. Các khoản chênh lệch tỷ giá do việc đánh giá lại nêu trên sau khi bù trừ chênh lệch tăng và chênh lệch giảm được ghi nhận vào doanh thu hoạt động tài chính hoặc chi phí tài chính.

Tỷ giá sử dụng để đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại ngày kết thúc kỳ kế toán được xác định theo nguyên tắc sau:

- Đối với khoản ngoại tệ gửi ngân hàng: tỷ giá mua ngoại tệ của ngân hàng mà Công ty mở tài khoản ngoại tệ.
- Đối với khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ được phân loại là tài sản: tỷ giá mua ngoại tệ của ngân hàng mà Công ty thường xuyên có giao dịch.
- Đối với khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ được phân loại là nợ phải trả: tỷ giá bán ngoại tệ của ngân hàng mà Công ty thường xuyên có giao dịch.

3. Ước tính kế toán

Việc lập Báo cáo tài chính tuân thủ đầy đủ các quy định của Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam do Bộ Tài Chính ban hành và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất yêu cầu Ban Tổng Giám đốc phải có những ước tính và giả định ảnh hưởng đến số liệu Báo cáo về công nợ, tài sản và việc trình bày các khoản công nợ và tài sản tiềm tàng tại ngày lập Báo cáo tài chính hợp nhất cũng như các số liệu Báo cáo về doanh thu và chi phí trong suốt năm tài chính. Mặc dù các ước tính kế toán được

lập bằng tất cả sự hiểu biết của Ban Tổng Giám đốc, số thực tế phát sinh có thể khác với các ước tính, giả định đặt ra.

Các ước tính và giả định có ảnh hưởng trọng yếu trong báo cáo tài chính riêng bao gồm:

- Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi;
- Dự phòng giảm giá hàng tồn kho;
- Thời gian hữu dụng ước tính của TSCĐ;
- Dự phòng phải trả dài hạn

Đánh giá và ghi nhận theo giá trị hợp lý

Luật kế toán số 88/2015/QH13 được Quốc Hội ban hành ngày 20/11/2015 đã có hiệu lực từ ngày 01/01/2017, trong đó bao gồm các quy định về đánh giá và ghi nhận theo giá trị hợp lý. Tuy nhiên, đến nay chưa có hướng dẫn cụ thể cho vấn đề này nên Ban Tổng Giám đốc đang xem xét và áp dụng đối với tài sản và nợ phải trả theo nguyên tắc giá gốc.

Công cụ tài chính

Ghi nhận ban đầu

Tài sản tài chính: tại ngày ghi nhận ban đầu, tài sản tài chính được ghi nhận theo giá gốc cộng các chi phí liên quan trực tiếp đến việc mua sắm tài sản tài chính đó. Tài sản tài chính của Nhóm Công ty bao gồm tiền, các khoản tương đương tiền, các khoản phải thu khách hàng và các khoản phải thu khác.

Công nợ tài chính: tại ngày ghi nhận ban đầu, công nợ tài chính được ghi nhận theo giá gốc trừ đi các chi phí liên quan trực tiếp đến việc phát hành công nợ tài chính đó. Công nợ tài chính của Nhóm Công ty bao gồm các khoản phải trả người bán, phải trả khác và các khoản vay.

Đánh giá lại sau ghi nhận ban đầu

Hiện tại, chưa có quy định về đánh giá lại công cụ tài chính sau ghi nhận ban đầu.

4. Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt, tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn, tiền đang chuyển và các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn thu hồi không quá 3 tháng kể từ ngày đầu tư có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành một lượng tiền xác định và không có rủi ro trong chuyển đổi thành tiền tại thời điểm báo cáo.

5. Các khoản đầu tư tài chính

Chứng khoán kinh doanh

Chứng khoán kinh doanh là chứng khoán do Nhóm Công ty nắm giữ cho mục đích kinh doanh và được nắm giữ chủ yếu cho mục đích mua bán để kiếm lời.

Chứng khoán kinh doanh được ghi nhận ban đầu theo giá gốc bao gồm giá mua và các chi phí liên quan trực tiếp đến việc mua chứng khoán kinh doanh. Dự phòng giảm giá đầu tư chứng khoán kinh doanh được lập khi giá trị ghi sổ cao hơn giá trị thị trường của các chứng khoán kinh doanh này.

Chênh lệch giữa khoản dự phòng lập ở cuối kỳ kế toán này và khoản dự phòng đã lập ở cuối kỳ kế toán trước được ghi nhận tăng hoặc giảm chi phí tài chính trong kỳ. Khoản dự phòng được hoàn nhập không vượt quá giá trị ghi sổ ban đầu.

Thời điểm ghi nhận chứng khoán kinh doanh là thời điểm Nhóm Công ty có quyền sở hữu, cụ thể như sau:

- Chứng khoán niêm yết được ghi nhận tại thời điểm khớp lệnh;
- Chứng khoán chưa niêm yết được ghi nhận tại thời điểm chính thức có quyền sở hữu theo quy định của pháp luật.

Lãi hoặc lỗ từ việc thanh lý, nhượng bán chứng khoán kinh doanh được hạch toán vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất trong kỳ kế toán. Giá vốn được xác định theo phương pháp nhập trước xuất trước.

Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

Khoản đầu tư được phân loại là nắm giữ đến ngày đáo hạn khi Nhóm Công ty có ý định và khả năng giữ đến ngày đáo hạn. Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn là các khoản tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn với mục đích thu lãi hàng kỳ.

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được ghi nhận ban đầu theo giá gốc bao gồm giá mua và các chi phí liên quan đến giao dịch mua các khoản đầu tư. Sau ghi nhận ban đầu, các khoản đầu tư này được ghi nhận theo giá trị có thể thu hồi. Thu nhập lãi từ các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn sau ngày mua được ghi nhận trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trên cơ sở dự thu. Lãi được hưởng trước khi Nhóm Công ty nắm giữ được ghi giảm trừ vào giá gốc tại thời điểm mua.

Khi có các bằng chứng chắc chắn cho thấy một phần hoặc toàn bộ khoản đầu tư có thể không thu hồi được và số tổn thất được xác định một cách đáng tin cậy thì tổn thất được ghi nhận vào chi phí tài chính trong kỳ kế toán và giảm trực tiếp giá trị đầu tư.

Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết

Liên doanh là thỏa thuận bằng hợp đồng của hai hoặc nhiều bên để cùng thực hiện hoạt động kinh tế, mà hoạt động này được đồng kiểm soát bởi các bên góp vốn liên doanh. Công ty liên kết là công ty trong đó Nhóm Công ty có ảnh hưởng đáng kể nhưng không phải kiểm soát, thường được thể hiện thông qua việc nắm giữ từ 20% đến 50% quyền biểu quyết ở công ty đó.

Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết được ghi nhận ban đầu theo giá gốc, bao gồm giá trị góp vốn cộng các chi phí liên quan trực tiếp đến việc đầu tư. Sau đó, Ban Giám đốc thực hiện việc rà soát đối với tất cả các khoản đầu tư để ghi nhận dự phòng vào cuối kỳ kế toán.

Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác

Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác là các khoản đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác nhưng không có quyền kiểm soát hoặc đồng kiểm soát, không có ảnh hưởng đáng kể đối với bên được đầu tư. Các khoản đầu tư này được ghi nhận ban đầu theo giá gốc. Sau đó, Ban Giám đốc thực hiện việc rà soát đối với tất cả các khoản đầu tư để ghi nhận dự phòng vào cuối kỳ kế toán.

Dự phòng giảm giá đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết, đầu tư góp vốn vào đơn vị khác

Dự phòng giảm giá đầu tư vào công ty con, công ty liên doanh, liên kết, đầu tư góp vốn vào đơn vị khác được lập vào cuối kỳ kế toán khi có sự giảm giá trị của các khoản đầu tư.

Dự phòng giảm giá đầu tư vào công ty con; công ty liên doanh, liên kết được tính dựa trên khoản lỗ của bên được đầu tư.

Dự phòng giảm giá đầu tư đầu tư góp vốn vào đơn vị khác được tính dựa trên giá trị thị trường nếu giá trị thị trường được xác định một cách tin cậy. Nếu giá trị thị trường không thể được xác định một cách tin cậy, dự phòng giảm giá đầu tư đầu tư góp vốn vào đơn vị khác được tính tương tự như dự phòng giảm giá đầu tư vào công ty con; công ty liên doanh, liên kết.

Chênh lệch giữa khoản dự phòng lập ở cuối kỳ kế toán này và khoản dự phòng đã lập ở cuối kỳ kế toán trước được ghi nhận tăng hoặc giảm chi phí tài chính trong năm. Khoản dự phòng được hoàn nhập không vượt quá giá trị ghi sổ ban đầu.

Cho vay

Cho vay là các khoản cho vay với mục đích thu lãi hàng kỳ theo khế ước giữa các bên nhưng không được giao dịch mua, bán trên thị trường như chứng khoán.

Cho vay được ghi nhận ban đầu theo giá gốc. Sau đó, Ban Giám đốc thực hiện việc rà soát đối với tất cả các khoản còn chưa thu để ghi nhận dự phòng các khoản cho vay khó đòi vào cuối kỳ kế toán. Dự phòng các khoản cho vay khó đòi được lập cho từng khoản cho vay căn cứ vào thời gian quá hạn trả nợ gốc theo cam kết nợ ban đầu (không tính đến việc gia hạn nợ giữa các bên), hoặc căn cứ vào mức tổn thất dự kiến có thể xảy ra. Chênh lệch giữa khoản dự phòng lập ở cuối kỳ kế toán này và khoản dự phòng đã lập ở cuối kỳ kế toán trước được ghi nhận tăng hoặc giảm chi phí tài chính trong năm. Khoản dự phòng được hoàn nhập không vượt quá giá trị ghi sổ ban đầu.

Cho vay được phân loại ngắn hạn và dài hạn trên bảng cân đối kế toán hợp nhất căn cứ theo kỳ hạn còn lại của các khoản cho vay tại ngày của bảng cân đối kế toán hợp nhất tới ngày đến hạn thu hồi.

6. Nợ phải thu

Các khoản nợ phải thu được trình bày theo giá trị ghi sổ trừ đi các khoản dự phòng phải thu khó đòi.

Việc phân loại các khoản phải thu là phải thu khách hàng và phải thu khác được thực hiện theo nguyên tắc sau:

- Phải thu của khách hàng phản ánh các khoản phải thu mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch có tính chất mua - bán giữa Công ty và người mua là đơn vị, cá nhân độc lập với Công ty.
- Phải thu khác phản ánh các khoản phải thu không mang tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua - bán.

Dự phòng nợ phải thu khó đòi được lập cho từng khoản nợ căn cứ vào dự kiến mức tổn thất có thể xảy ra hoặc tuổi nợ quá hạn của các khoản nợ phải thu, cụ thể như sau:

Đối với nợ phải thu quá hạn thanh toán:

- 30% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ trên 6 tháng đến dưới 1 năm.
- 50% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 1 năm đến dưới 2 năm.
- 70% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 2 năm đến dưới 3 năm.
- 100% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 3 năm trở lên.

Tỷ lệ trích lập dự phòng nợ phải thu khó đòi nêu trên phù hợp với tỷ lệ quy định tại Thông tư số 48/2019/TT – BTC ngày 08/8/2019 của Bộ Tài Chính.

Đối với nợ phải thu chưa quá hạn thanh toán nhưng khó có khả năng thu hồi: căn cứ vào mức tổn thất dự kiến để lập dự phòng.

Tăng, giảm số dư dự phòng nợ phải thu khó đòi cần phải trích lập tại ngày kết thúc kỳ kế toán được ghi nhận vào chi phí quản lý doanh nghiệp.

7. Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được ghi nhận theo giá thấp hơn giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được.

Giá gốc hàng tồn kho được xác định như sau:

- Nguyên vật liệu, hàng hóa: bao gồm chi phí mua và các khoản chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại.
- Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang: bao gồm chi phí nguyên vật liệu chính, chi phí nhân công và chi phí sản xuất chung có liên quan trực tiếp đến quá trình sản xuất sản phẩm.
- Thành phẩm: bao gồm chi phí nguyên vật liệu chính, chi phí nhân công và chi phí sản xuất chung có liên quan trực tiếp được phân bổ dựa trên mức độ hoạt động bình thường.

Phương pháp tính giá xuất kho: bình quân gia quyền.

Phương pháp hạch toán hàng tồn kho: kê khai thường xuyên.

Phương pháp lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho: số dự phòng giảm giá hàng tồn kho được lập là số chênh lệch giữa giá gốc của từng mặt hàng tồn kho lớn hơn giá trị thuần có thể thực hiện được. Tăng, giảm số dư dự phòng giảm giá hàng tồn kho cần phải trích lập tại ngày kết thúc năm tài chính được ghi nhận vào giá vốn hàng bán.

8. Tài sản cố định hữu hình

Tài sản cố định hữu hình được trình bày trên báo cáo tài chính theo nguyên giá trừ đi giá trị hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm giá mua hoặc giá thành thực tế và các khoản chi phí liên quan trực tiếp phải chi ra tính đến thời điểm đưa tài sản cố định đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Các chi phí phát sinh sau ghi nhận ban đầu chỉ được ghi tăng nguyên giá tài sản cố định hữu hình nếu các chi phí này chắc chắn làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai do sử dụng các tài sản đó. Các chi phí phát sinh không thỏa mãn điều kiện trên được phân bổ dần hoặc ghi nhận hết vào chi phí kinh doanh trong kỳ.

Khi tài sản cố định hữu hình được bán hay thanh lý, nguyên giá và giá trị hao mòn lũy kế được xóa sổ và lãi, lỗ phát sinh do thanh lý được ghi nhận vào thu nhập hay chi phí trong kỳ.

Khấu hao tài sản cố định hữu hình được tính theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính. Thời gian hữu dụng ước tính cho một số nhóm tài sản cố định hữu hình như sau:

Trong năm 2023, Nhóm công ty đã thay đổi khung thời gian khấu hao cho tài sản cố định hữu hình. Sự thay đổi khung thời gian khấu hao làm cho chi phí khấu hao trích vào chi phí kinh doanh giảm so với khung thời gian cũ là 7.194.469.080 VND. Cụ thể như sau:

Nhóm TSCĐ	*Thời gian khấu hao ước tính năm 2022*	*Thời gian khấu hao ước tính năm 2023*
Nhà cửa, vật kiến trúc	05 - 20 năm	05 - 50 năm
Máy móc, thiết bị	03 - 08 năm	02 - 15 năm
Phương tiện vận tải, thiết bị truyền dẫn	06 - 10 năm	06 - 15 năm
Thiết bị, dụng cụ quản lý	03 - 10 năm	03 - 15 năm

9. Thuê tài sản

Việc thuê tài sản mà bên cho thuê chuyển giao quyền sở hữu vào cuối thời hạn thuê và chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn với quyền sở hữu tài sản cho bên thuê thì được hạch toán là thuê tài chính. Thuê tài chính được ghi nhận là tài sản tại thời điểm khởi đầu việc thuê tài sản với giá trị thấp hơn giữa giá tri hợp lý của tài sản cho thuê và giá trị hiện tại thuần của các khoản thanh toán tiền thuê tối thiểu.

Khoản thanh toán tiền thuê tài chính được chia ra thành chi phí tài chính và khoản phải trả nợ gốc để duy trì một tỉ lệ lãi suất cố định trên số dư nợ thuê tài chính. Khoản phải trả nợ gốc không bao gồm chi phí tài chính, được hạch toán là nợ dài hạn.

Chi phí tài chính được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất trong suốt thời hạn của hợp đồng thuê. TSCĐ thuê tài chính được khấu hao theo phương pháp đường thẳng trong thời gian ngắn hơn giữa thời gian sử dụng ước tính của tài sản và thời gian thuê. Tuy nhiên, nếu có sự chắc chắn hợp lý rằng bên thuê sẽ có quyền sở hữu ở cuối thời hạn thuê thì khấu hao sẽ được dựa trên thời gian sử dụng ước tính của tài sản.

Thuê hoạt động là loại hình thuê TSCĐ mà phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu của tài sản thuộc về bên cho thuê. Khoản thanh toán dưới hình thức thuê hoạt động được hạch toán vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời hạn thuê hoạt động.

10. Tài sản cố định vô hình

Tài sản cố định vô hình được trình bày trên báo cáo tài chính theo nguyên giá trừ đi giá trị hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định vô hình bao gồm giá mua hoặc giá thành thực tế và các khoản chi phí liên quan trực tiếp phải chi ra tính đến thời điểm đưa tài sản cố định đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Các chi phí phát sinh sau ghi nhận ban đầu được phân bổ dần hoặc ghi nhận hết vào chi phí kinh doanh trong kỳ trừ khi các chi phí này gắn liền với một tài sản cố định vô hình cụ thể và làm tăng lợi ích kinh tế từ các tài sản này.

Khi tài sản cố định vô hình được bán hay thanh lý, nguyên giá và giá trị hao mòn lũy kế được xóa sổ và lãi, lỗ phát sinh do thanh lý được ghi nhận vào thu nhập hay chi phí trong kỳ.

Tài sản vô hình của Nhóm Công ty bao gồm:

Quyền sử dụng đất

Quyền sử dụng đất là toàn bộ các chi phí thực tế Công ty đã chi ra có liên quan đến đất sử dụng, bao gồm tiền chi ra để có quyền sử dụng đất, chi phí cho đền bù, giải phóng san lấp mặt bằng, lệ phí trước bạ, ...

Quyền sử dụng đất bao gồm quyền sử dụng đất do Nhà nước giao có thu tiền sử dụng đất, quyền sử dụng đất nhận chuyển nhượng hợp pháp và tiền sử dụng đất đã trả trước cho các hợp đồng thuê đất có hiệu lực trước ngày hiệu lực của Luật đất đai 2003 (tức là ngày 01 tháng 7 năm 2004) và được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất.

Quyền sử dụng đất có thời hạn được được khấu hao theo phương pháp đường thẳng trong suốt thời hạn sử dụng của quyền sử dụng đất.

Quyền sử dụng đất không có thời hạn được ghi nhận theo nguyên giá và không khấu hao.

Chương trình phần mềm kế toán

Chi phí liên quan đến các chương trình phần mềm kế toán không phải là một bộ phận gắn liền với phần cứng có liên quan được vốn hóa. Nguyên giá của phần mềm kế toán là toàn bộ các chi phí mà Công ty đã chi ra tính đến thời điểm đưa phần mềm vào sử dụng. Phần mềm kế toán được khấu hao theo phương pháp đường thẳng trong thời gian từ 3 đến 8 năm.

Trong năm 2023, Nhóm công ty đã thay đổi khung thời gian khấu hao cho tài sản cố định vô hình. Sự thay đổi khung thời gian khấu hao làm cho chi phí khấu hao trích vào chi phí kinh doanh giảm so với khung thời gian cũ là 75.924.816 VND.

Tài sản cố định vô hình khác

Tài sản cố định vô hình khác là thương hiệu Logo của Nhóm Công ty. Nguyên giá tài sản cố định vô hình khác là toàn bộ các chi phí mà Nhóm Công ty đã chi ra tính đến thời điểm đưa tài sản vô hình khác vào sử dụng. Tài sản cố định vô hình khác được khấu hao theo phương pháp đường thẳng trong thời gian 3 năm.

11. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

Chi phí xây dựng cơ bản dở dang thể hiện giá trị của các tài sản trong quá trình xây dựng phục vụ mục đích sản xuất, cho thuê hoặc quản trị, hoặc cho bất kì mục đích nào khác, được ghi nhận theo giá gốc, bao gồm toàn bộ chi phí cần thiết để xây dựng mới hoặc sửa chữa, cải tạo, mở rộng hay trang bị lại kỹ thuật công trình. Khấu hao của những tài sản này, cũng giống như các loại TSCĐ khác, sẽ bắt đầu được trích khi tài sản đã sẵn sàng cho mục đích sử dụng.

12. Chi phí trả trước

Các khoản chi phí thực tế đã phát sinh nhưng có liên quan đến hoạt động sản xuất, kinh doanh của nhiều kỳ kế toán thì được hạch toán vào chi phí trả trước và phân bổ dần vào chi phí sản xuất kinh doanh của các kỳ kế toán sau. Chi phí trả trước của Nhóm Công ty bao gồm các chi phí sau:

Công cụ dụng cụ

Các công cụ dụng cụ đã đưa vào sử dụng được phân bổ vào chi phí theo phương pháp đường thẳng với thời gian phân bổ tối đa không quá 3 năm.

Các chi phí trả trước khác

Các chi phí trả trước khác căn cứ vào tính chất, mức độ chi phí, Công ty lựa chọn phương pháp và tiêu thức phân bổ phù hợp trong thời gian mà lợi ích kinh tế được dự kiến tạo ra.

13. Nợ phải trả và chi phí phải trả

Các khoản nợ phải trả và chi phí phải trả được ghi nhận cho số tiền phải trả trong tương lai liên quan đến hàng hóa và dịch vụ đã nhận được. Chi phí phải trả được ghi nhận dựa trên các ước tính hợp lý về số tiền phải trả.

Việc phân loại các khoản phải trả là phải trả người bán, chi phí phải trả và phải trả khác được thực hiện theo nguyên tắc sau:

- Phải trả người bán phản ánh các khoản phải trả mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch mua hàng hóa, dịch vụ, tài sản và người bán là đơn vị độc lập với Công ty, bao gồm cả các khoản phải trả khi nhập khẩu thông qua người nhận ủy thác.
- Chi phí phải trả phản ánh các khoản phải trả cho hàng hóa, dịch vụ đã nhận được từ người bán hoặc đã cung cấp cho người mua nhưng chưa chi trả do chưa có hóa đơn hoặc chưa đủ hồ sơ, tài liệu kế toán và các khoản phải trả cho người lao động về tiền lương nghỉ phép, các khoản chi phí sản xuất, kinh doanh phải trích trước.
- Phải trả khác phản ánh các khoản phải trả không có tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua, bán, cung cấp hàng hóa dịch vụ.

Các khoản nợ phải trả và chi phí phải trả được phân loại ngắn hạn và dài hạn trên Bảng cân đối kế toán căn cứ theo kỳ hạn còn lại tại ngày kết thúc kỳ kế toán.

14. Vay và nợ thuê tài chính

Vay và nợ thuê tài chính bao gồm các khoản tiền vay và nợ thuê tài chính từ các ngân hàng, tổ chức tài chính và các đối tượng khác.

Các khoản vay và nợ thuê tài chính được phân loại ngắn hạn và dài hạn trên bảng cân đối kế toán hợp nhất căn cứ theo kỳ hạn còn lại của các khoản vay và nợ thuê tài chính tại ngày của bảng cân đối kế toán hợp nhất tới ngày đến hạn thanh toán.

Chi phí đi vay liên quan trực tiếp đối với hoạt động xây dựng hoặc sản xuất bất kỳ tài sản đủ tiêu chuẩn sẽ được vốn hóa trong thời gian mà các tài sản này được hoàn thành và chuẩn bị đưa vào sử dụng. Đối với các khoản vay chung trong đó có sử dụng vốn cho mục đích đầu tư xây dựng hoặc sản xuất bất kỳ tài sản đủ tiêu chuẩn thì Nhóm Công ty xác định chi phí đi vay được vốn hóa theo tỷ lệ vốn hóa đối với chi phí lũy kế bình quân gia quyền phát sinh cho việc đầu tư xây dựng cơ bản hoặc sản xuất tài sản đủ tiêu chuẩn đó. Tỷ lệ vốn hóa được tính theo tỷ lệ lãi suất bình quân gia quyền của các khoản vay chưa trả trong kỳ, trừ các khoản vay hợp nhất biệt phục vụ cho mục đích hình thành một tài sản cụ thể. Chi phí đi vay khác được ghi nhận trong Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất khi phát sinh.

15. Các khoản dự phòng

Các khoản dự phòng được ghi nhận khi Nhóm Công ty có nghĩa vụ nợ hiện tại, pháp lý hoặc liên đới, phát sinh từ các sự kiện đã xảy ra; việc thanh toán nghĩa vụ nợ có thể sẽ dẫn đến sự giảm sút về những lợi ích kinh tế và giá trị của nghĩa vụ nợ đó được ước tính một cách đáng tin cậy. Dự phòng không được ghi nhận cho các khoản lỗ hoạt động trong tương lai.

Dự phòng được tính trên cơ sở các khoản chi phí dự tính phải thanh toán nghĩa vụ nợ. Nếu ảnh hưởng về giá trị thời gian của tiền là trọng yếu thì dự phòng được tính trên cơ sở giá trị hiện tại với tỷ lệ chiết khấu trước thuế và phản ánh những đánh giá trên thị trường hiện tại về giá trị thời gian của tiền và rủi ro cụ thể của khoản nợ đó. Giá trị tăng lên do ảnh hưởng của yếu tố thời gian được ghi nhận là chi phí tài chính. Chênh lệch giữa khoản dự phòng lập ở cuối kỳ kế toán này và khoản dự phòng đã lập chưa sử dụng ở cuối kỳ kế toán trước được ghi nhận tăng hoặc giảm chi phí sản xuất kinh doanh trong năm.

16. Dự phòng trợ cấp thôi việc

Theo Luật Lao động Việt Nam, người lao động của Công ty đã làm việc thường xuyên đủ 12 tháng trở lên được hưởng khoản trợ cấp thôi việc. Thời gian làm việc để tính trợ cấp thôi việc là tổng thời gian người lao động đã làm việc thực tế cho Công ty trừ đi thời gian người lao động đã tham gia bảo hiểm thất nghiệp theo quy định của pháp luật và thời gian làm việc đã được Công ty chi trả trợ cấp thôi việc.

Trợ cấp thôi việc của người lao động được trích trước cuối mỗi năm báo cáo theo tỷ lệ bằng một nữa mức lương bình quân tháng cho mỗi năm làm việc. Mức lương bình quân tháng để tính trợ cấp thôi việc dựa trên mức lương bình quân theo hợp đồng lao động của sáu tháng gần nhất tính đến trước ngày lập bảng cân đối kế toán hợp nhất này.

Khoản trích trước này được sử dụng để trả một lần khi người lao động chấm dứt hợp đồng lao động theo quy định hiện hành.

17. Vốn chủ sở hữu

Vốn góp của chủ sở hữu

Vốn góp của chủ sở hữu được ghi nhận theo số thực tế góp của các cổ đông và được phản ánh theo mệnh giá của cổ phiếu.

Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối phản ánh kết quả kinh doanh sau thuế TNDN của Nhóm Công ty tại thời điểm báo cáo.

18. Phân chia lợi nhuận

Cổ tức của Công ty được ghi nhận là một khoản phải trả trong báo cáo tài chính hợp nhất của kỳ kế toán mà cổ tức được thông qua.

Lợi nhuận sau thuế TNDN có thể được chia cho các cổ đông sau khi được Đại hội đồng cổ đông phê duyệt và sau khi đã trích lập các quỹ theo điều lệ của Công ty và các quy định của pháp luật Việt Nam.

Việc phân phối lợi nhuận cho các cổ đông được cân nhắc đến các khoản mục phi tiền tệ nằm trong lợi nhuận sau thuế chưa phân phối có thể ảnh hưởng đến luồng tiền và khả năng chi trả cổ tức như lãi do đánh giá lại tài sản mang đi góp vốn, lãi do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ, các công cụ tài chính và các khoản mục phi tiền tệ khác.

Nhóm Công ty trích lập các quỹ sau:

Quỹ đầu tư phát triển

Quỹ đầu tư phát triển được trích lập từ lợi nhuận sau thuế TNDN của Nhóm Công ty và được các cổ đông phê duyệt tại Đại hội đồng cổ đông. Quỹ được sử dụng để đầu tư chiều sâu và mở rộng sản xuất kinh doanh để phát triển hoạt động sản xuất kinh doanh của Nhóm Công ty.

Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu

Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu được trích lập từ lợi nhuận sau thuế TNDN của Nhóm Công ty và được các cổ đông phê duyệt tại Đại hội đồng cổ đông. Quỹ được sử dụng để dự trữ bổ sung vốn điều lệ của Công ty.

Quỹ khen thưởng, phúc lợi

Quỹ khen thưởng, phúc lợi được trích lập từ lợi nhuận sau thuế TNDN của Nhóm Công ty và được các cổ đông phê duyệt tại Đại hội đồng cổ đông. Quỹ được sử dụng để khen thưởng, khuyến khích, nâng cao phúc lợi cho nhân viên và được trình bày như một khoản phải trả trên bảng cân đối kế toán hợp nhất.

19. Doanh thu

Doanh thu bán hàng hóa, thành phẩm được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn các điều kiện sau:

- Nhóm Công ty đã chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm, hàng hóa cho người mua;
- Nhóm Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hoặc quyền kiểm soát hàng hóa, sản phẩm;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Nhóm Công ty đã hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng;
- Xác định được các chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

Doanh thu không được ghi nhận khi có yếu tố không chắc chắn mang tính trọng yếu về khả năng thu được tiền bán hàng hoặc về khả năng hàng bán bị trả lại.

Doanh thu được ghi nhận phù hợp với bản chất hơn hình thức và được phân bổ theo nghĩa vụ cung ứng sản phẩm hoặc hàng hóa. Trường hợp Nhóm Công ty dùng sản phẩm, hàng hóa để khuyến mãi cho khách hàng kèm theo điều kiện mua hàng của Nhóm Công ty thì Nhóm Công ty phân bổ số tiền thu được để tính doanh thu cho cả hàng khuyến mãi và giá trị hàng khuyến mãi được tính vào giá vốn hàng bán trong Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất.

Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn các điều kiện sau:

Doanh thu của giao dịch cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi kết quả của giao dịch đó được xác định một cách đáng tin cậy. Trường hợp dịch vụ được thực hiện trong nhiều kỳ thì doanh thu được ghi nhận trong kỳ được căn cứ vào kết quả phần công việc đã hoàn thành vào ngày kết thúc kỳ kế toán. Kết quả của giao dịch cung cấp dịch vụ được xác định khi thỏa mãn tất cả các điều kiện sau:

- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Nhóm Công ty đã hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó;
- Xác định được phần công việc đã hoàn thành vào thời điểm báo cáo;
- Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

Thu nhập lãi

Tiền lãi ngân hàng được ghi nhận theo nguyên tắc dự thu dựa trên thời gian và lãi suất thực tế từng thời kỳ.

Thu nhập lãi khác được ghi nhận khi được hưởng.

Thu nhập từ cổ tức

Thu nhập từ cổ tức được ghi nhận khi Nhóm Công ty xác lập quyền nhận cổ tức từ các đơn vị đầu tư.

20. Khoản giảm trừ doanh thu

Khoản giảm trừ doanh thu bao gồm chiết khấu thương mại và hàng bán bị trả lại. Các khoản giảm trừ doanh thu phát sinh cùng năm tiêu thụ sản phẩm, hàng hóa, dịch vụ được ghi nhận điều chỉnh giảm doanh thu năm phát sinh.

Khoản giảm trừ doanh thu đối với sản phẩm, hàng hóa, dịch vụ tiêu thụ trong năm, phát sinh sau ngày của Bảng cân đối kế toán hợp nhất nhưng trước thời điểm phát hành Báo cáo tài chính hợp nhất được ghi nhận điều chỉnh giảm doanh thu của năm lập báo cáo.

21. Giá vốn hàng bán và dịch vụ cung cấp

Giá vốn bán hàng và dịch vụ cung cấp là tổng chi phí phát sinh của thành phẩm, hàng hóa xuất bán và dịch vụ cung cấp cho khách hàng trong năm, được ghi nhận theo nguyên tắc phù hợp với doanh thu và nguyên tắc thận trọng.

22. Chi phí tài chính

Chi phí tài chính phản ánh những khoản chi phí hoạt động tài chính phát sinh trong năm chủ yếu bao gồm chi phí lãi vay, lỗ tỷ giá hối đoái, lỗ mua bán chứng khoán kinh doanh và dự phòng giảm giá các khoản đầu tư tài chính.

23. Chi phí bán hàng

Chi phí bán hàng phản ánh các chi phí thực tế phát sinh trong quá trình bán sản phẩm, hàng hóa và cung cấp dịch vụ.

24. Chi phí quản lý doanh nghiệp

Chi phí quản lý doanh nghiệp phản ánh các chi phí thực tế phát sinh trong quá trình quản lý chung của Nhóm Công ty.

25. Chi phí thuế TNDN hiện hành và thuế TNDN hoãn lại

Thuế thu nhập hiện hành

Thuế thu nhập hiện hành là khoản thuế được tính dựa trên thu nhập tính thuế. Thu nhập tính thuế chênh lệch so với lợi nhuận kế toán là do điều chỉnh các chi phí không được trừ cũng như điều chỉnh các khoản thu nhập không phải chịu thuế và các khoản lỗ được chuyển.

Các báo cáo thuế của Nhóm Công ty sẽ được kiểm tra bởi cơ quan thuế. Do sự áp dụng của luật thuế cho từng loại nghiệp vụ và việc giải thích, hiểu cũng như chấp thuận theo nhiều cách khác nhau nên số liệu của báo cáo tài chính có thể sẽ khác với số liệu của cơ quan thuế.

Thuế thu nhập hoãn lại

Thuế thu nhập hoãn lại là khoản thuế thu nhập doanh nghiệp sẽ phải nộp hoặc sẽ được hoàn lại do chênh lệch tạm thời giữa giá trị ghi sổ của tài sản và nợ phải trả cho mục đích lập Báo cáo tài chính và cơ sở tính thuế thu nhập. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời chịu thuế. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận khi chắc chắn trong tương lai sẽ có lợi nhuận tính thuế để sử dụng những chênh lệch tạm thời được khấu trừ này.

Giá trị ghi sổ của tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại được xem xét lại vào ngày kết thúc năm tài chính và sẽ được ghi giảm đến mức đảm bảo chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế cho phép lợi ích của một phần hoặc toàn bộ tài sản thuế thu nhập hoãn lại được sử dụng. Các tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại chưa được ghi nhận trước đây được xem xét lại vào ngày kết thúc năm tài chính và được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế để có thể sử dụng các tài sản thuế thu nhập hoãn lại chưa ghi nhận này.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho năm tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán dựa trên các mức thuế suất có hiệu lực tại ngày kết thúc năm tài chính. Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh và chỉ ghi trực tiếp vào vốn chủ sở hữu khi khoản thuế đó liên quan đến các khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả được bù trừ khi:

- Nhóm Công ty có quyền hợp pháp được bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp; và
- Các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả này liên quan đến thuế thu nhập doanh nghiệp được quản lý bởi cùng một cơ quan thuế:
  - Đối với cùng một đơn vị chịu thuế; hoặc
  - Nhóm Công ty dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành phải trả và tài sản thuế thu nhập hiện hành trên sơ sở thuần hoặc thu hồi tài sản đồng thời với việc thanh toán nợ phải trả trong từng kỳ tương lai khi các khoản trọng yếu của thuế thu nhập hoãn lại phải trả hoặc tài sản thuế thu nhập hoãn lại được thanh toán hoặc thu hồi.

26. Bên liên quan

Các doanh nghiệp, các cá nhân, trực tiếp hay gián tiếp qua một hoặc nhiều trung gian, có quyền kiểm soát Nhóm Công ty hoặc chịu sự kiểm soát của Nhóm Công ty, hoặc cùng chung sự kiểm soát với Nhóm Công ty, bao gồm cả công ty mẹ, công ty con và công ty liên doanh, liên kết là các bên liên quan. Các bên liên doanh, liên kết, các cá nhân trực tiếp hoặc gián tiếp nắm quyền biểu quyết của Nhóm Công ty mà có ảnh hưởng đáng kể đối với Nhóm Công ty, những cá nhân quản lý chủ chốt bao gồm Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc của Nhóm Công ty, những thành viên mật thiết trong gia đình của các cá nhân này hoặc các bên liên doanh, liên kết này hoặc những công ty liên doanh, liên kết với các cá nhân này cũng được coi là bên liên quan.

Trong việc xem xét mối quan hệ các bên liên quan, bản chất của mối quan hệ được chú trọng nhiều hơn hình thức pháp lý.

27. Báo cáo theo bộ phận

Bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh là một phần có thể xác định riêng biệt tham gia vào quá trình sản xuất hoặc cung cấp sản phẩm, dịch vụ và có rủi ro và lợi ích kinh tế khác với các bộ phận kinh doanh khác.

Bộ phận theo khu vực địa lý là một phần có thể xác định riêng biệt tham gia vào quá trình sản xuất hoặc cung cấp sản phẩm, dịch vụ trong phạm vi một môi trường kinh tế cụ thể và có rủi ro và lợi ích kinh tế khác với các bộ phận kinh doanh trong các môi trường kinh tế khác.

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

1. Tiền mặt và các khoản tương đương tiền

	Số cuối năm	*Số đầu năm*
Tiền mặt	134.160.502	1.363.919.930
Tiền gửi ngân hàng	7.228.526.210	9.862.380.404
Cộng	**7.362.686.712**	**11.226.300.334**

2. Chứng khoán kinh doanh

	31/12/2023			01/01/2023		
	Giá gốc	Giá trị hợp lý	Dự phòng	Giá gốc	Giá trị hợp lý	Dự phòng
	VND	VND	VND	VND	VND	VND
Công ty CP Tư vấn thương mại Dịch vụ Địa ốc Hoàng Quân	-	-	-	62.505.203.375	23.940.000.000	(38.565.203.375)
Cộng	-	-	-	**62.505.203.375**	**23.940.000.000**	**(38.565.203.375)**

3. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

	31/12/2023		01/01/2023	
	Giá gốc	Giá trị ghi sổ	Giá gốc	Giá trị ghi sổ
	VND	VND	VND	VND
Tiền gửi có kỳ hạn (*)	8.400.000.000	8.400.000.000	53.900.000.000	53.900.000.000
Cộng	**8.400.000.000**	**8.400.000.000**	**53.900.000.000**	**53.900.000.000**

(*) Số dư thể hiện các khoản tiền gửi tại các ngân hàng có kỳ hạn từ 6 đến 12 tháng với lãi suất 5,2%/năm.

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2023, số dư khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn đã được dùng làm tài sản thế chấp cho các khoản vay ngắn hạn từ ngân hàng (Thuyết minh V.24)

4. Phải thu ngắn hạn của khách hàng

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Số cuối năm	*Dự phòng*	*Số đầu năm*	*Dự phòng*
Bên liên quan	**10.694.886.803**	**(6.704.922.850)**	**8.084.922.850**	**(5.659.445.995)**
- Công Ty Cổ Phần Golden Paddy	6.704.922.850	(6.704.922.850)	8.084.922.850	(5.659.445.995)
- Công ty TNHH Angimex Furious	3.989.963.953	-	-	-
Bên thứ ba	**204.272.294.856**	**(32.946.828.790)**	**139.813.398.436**	**(28.202.136.766)**
- Công ty Cổ Phần APC HOLDINGS	94.545.512.426	-	-	-
- Công ty TNHH Hateco Group	24.100.000.000	-	-	-
- Công ty Cổ Phần Golden Paddy SG	30.966.407.000	(30.966.407.000)	30.966.407.000	(21.676.484.900)
- Cục Dự trữ Nhà nước khu vực Đông Nam Bộ	-	-	21.174.500.000	-
- Công ty TNHH Khánh Tây Đô	17.000.000.000	-	-	-
- Công ty TNHH Thương mại Dũng Kỳ	19.924.000.000	-	19.924.000.000	-
- Khách hàng khác	17.736.375.430	(1.980.421.790)	67.748.491.436	(6.525.651.866)
Cộng	**214.967.181.659**	**(39.651.751.640)**	**147.898.321.286**	**(33.861.582.761)**

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2023 và ngày 31 tháng 12 năm 2022, số dư các khoản phải thu ngắn hạn của khách hàng đã quá hạn thanh toán lần lượt là 39.760.305.590 VND và 49.418.671.323 VND như đã trình bày tại Thuyết minh V.8.

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2023, một phần khoản phải thu ngắn hạn của khách hàng của Nhóm Công ty đã được dùng làm tài sản thế chấp cho các khoản vay ngắn hạn từ ngân hàng (Thuyết minh V.24)

5. Trả trước cho người bán

5.1 *Trả trước cho người bán ngắn hạn*

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Số cuối năm	*Dự phòng*	*Số đầu năm*	*Dự phòng*
Bên liên quan	-	-	-	-
Bên thứ ba	**163.877.773.245**	**(98.205.426.000)**	**348.695.532.949**	**(72.178.273.000)**
Huỳnh Thị Thúy Vy (5.1.1)	-	-	179.240.016.890	-
Công ty TNHH Tân Kỷ (5.1.1)	-	-	19.195.000.000	-
Công ty TNHH MTV Louis Rice Long An	50.040.390.000	(50.040.390.000)	50.040.390.000	(35.028.273.000)
Từ Thị Hồng Thanh (5.1.2)	24.500.000.000	(24.500.000.000)	24.500.000.000	(17.150.000.000)
Lê Quang Nhuận (5.1.3)	20.000.000.000	(20.000.000.000)	20.000.000.000	(20.000.000.000)
Lư Minh Sĩ (5.1.1)	-	-	20.000.000.000	-
Công ty CP Kỹ Thuật Ánh Minh	1.500.000.000	-	-	-
Công ty CP APC Holdings	15.590.000.000	-	-	-
Phạm Mai Phương	20.350.000.000	-	-	-
Các nhà cung cấp khác	31.897.383.245	(3.665.036.000)	35.720.126.059	-
Cộng	**163.877.773.245**	**(98.205.426.000)**	**348.695.532.949**	**(72.178.273.000)**

5.1.1. Tại ngày 31/12/2023, số dư các khoản đặt cọc này được chuyển sang nhóm nợ trả trước cho người bán dài hạn.

5.1.2. Công ty đã ký Hợp đồng hợp tác số 01/2021/CBLT-CN ngày 20 tháng 12 năm 2021 với bà Từ Thị Hồng Thanh để thực hiện thu mua lúa gạo. Theo hợp đồng nêu trên, Công ty đã tạm ứng cho Bà Từ Thị Hồng Thanh số tiền 62.000.000.000 VND. Trong năm 2022, Bà Từ Thị Hồng Thanh đã thực hiện hoàn được 37.500.000.000 VND, số còn ứng tại 31/12/2023 là 24.500.000.000 VND hiện đã quá hạn thanh toán. Theo Hợp đồng nêu trên, Bà Từ Thị Hồng Thanh cam kết thế chấp quyền sử dụng đất và nhà kho theo Hợp đồng mua bán tài sản đấu giá theo số công chứng 279 ngày 17/8/2021 với giá trị trúng đấu giá là 11.512.000.000 VND. Tuy nhiên, đến nay Công ty chưa nắm giữ được tài sản đảm bảo này. Năm 2023, Công ty đã nộp hồ sơ khởi kiện Bà Từ Thị Hồng Thanh. Ngày 23/01/2024, Toà án nhân dân thành phố Long Xuyên đã ban hành Quyết định số 55/2024/QĐXXST-ĐS đưa vụ án ra xét xử. Ngày 12/3/2024, Toà mở phiên toà xét xử sơ thẩm và buộc Bà Từ Thị Hồng Thanh có trách nhiệm phải trả số tiền 24.500.000.000 VND cho Công ty.

5.1.3. Tại ngày 24 tháng 3 năm 2022, Nhóm Công ty đã chuyển tiền cho Ông Lê Quang Nhuận, căn cước công dân số 089085000196 cấp ngày 27/3/2018 tại Cục Cảnh sát ĐKQL cư trú và DLQG về dân cư, thường trú tại 678 Kinh Dương Vương, An Lạc, Quận Bình Tân, TP. Hồ Chí Minh số tiền 20.000.000.000 VND thông qua tài khoản của bên thụ hưởng số 1018103503 tại Ngân hàng TMCP Sài Gòn – Hà Nội (SHB) – Chi nhánh Phú Nhuận. Đây là khoản tạm ứng để chuyển nhượng quyền sử dụng đất có diện tích là 11.300 m2 tại xã Hòa An, huyện Chợ Mới, tỉnh An Giang. Tuy nhiên, đến nay Ông Lê Quang Nhuận đã không tiến hành ký kết hợp đồng chuyển nhượng Quyền sử dụng đất nêu trên cho Nhóm Công ty cũng không hoàn trả lại cho Công ty số tiền đã nhận ứng trước. Ngày 15 tháng 3 năm 2024, Công ty đã làm đơn tố cáo gửi Cơ quan cảnh sát điều tra – Công an tỉnh An Giang và Viện kiểm sát nhân dân tỉnh An Giang để xử lý vụ việc.

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2023 và ngày 31 tháng 12 năm 2022, số dư các khoản trả trước cho người bán ngắn hạn đã quá hạn thanh toán lần lượt là 98.205.426.000 VND và 94.540.390.000 VND như đã trình bày tại Thuyết minh V.8.

5.2 *Trả trước cho người bán dài hạn*

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Số cuối năm	*Dự phòng*	*Số đầu năm*	*Dự phòng*
Bên liên quan	-	-	-	-
Bên thứ ba	**223.240.016.890**	-	-	-
Huỳnh Thị Thúy Vy (5.2.1)	179.240.016.890	-	-	-
Công ty TNHH Tân Kỷ (5.2.2)	10.000.000.000	-	-	-
Lư Minh Sĩ (5.2.3)	34.000.000.000	-	-	-
Cộng	**223.240.016.890**	-	-	-

5.2.1 Nhóm Công ty đã ký Hợp đồng đặt cọc chuyển nhượng Quyền sử dụng đất, công trình xây dựng khác với Bà Huỳnh Thị Thúy Vy đối với 6 quyền sử dụng đất theo Hợp đồng số 01/2021/HĐĐC ký ngày 28 tháng 12 năm 2021 và Phụ lục hợp đồng số 01/2021/HĐĐC/PL01 ký ngày 21 tháng 7 năm 2022.

Nhà máy Hoàng Long tại Đồng Tháp đặt tại Ấp An Ninh, xã Định An, huyện Lấp Vò, tỉnh Đồng Tháp đều liên quan đến 6 quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền trên đất nêu trên và đang được Công ty TNHH MTV Chế biến lương thực Angimex sử dụng cho hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty TNHH MTV Chế biến lương thực Angimex. Công ty Cổ phần Xuất Nhập Khẩu An Giang đang trong quá trình hoàn thiện các thủ tục pháp lý để sang tên cho Nhóm Công ty theo Công văn số 531/STNMT-QLĐĐ ngày 14/02/2023 của Sở Tài Nguyên và Môi Trường tỉnh Đồng Tháp.

5.2.2 Khoản ứng trước này để thi công san lấp mặt bằng Nhà máy Lương An Trà theo Hợp đồng tạm ứng tiền san lấp mặt bằng nhà máy Lương An Trà số 01/HĐ – CBLT ngày 25/3/2022 số. Đến nay, hợp đồng này đang được thực hiện chưa hoàn tất.

5.2.3 Khoản ứng trước này để chuyển nhượng quyền sử dụng đất theo Hợp đồng số 02/HĐ – CBLT ngày 29/3/2022 và Hợp đồng đặt cọc chuyển nhượng Quyền sử dụng đất có diện tích 17.831 m2 tại Thửa đất số 55, tờ bản đồ số 19, xã Lương An Trà, huyện Tri Tôn, tỉnh An Giang với ông Lư Minh Sĩ theo Biên bản thoả thuận ký ngày 25 tháng 12 năm 2021. Hiện nay, Công ty đang hoàn tất thủ tục sang tên cho Nhóm Công ty.

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2023 và ngày 31 tháng 12 năm 2022, Công ty và Nhóm Công ty không có số dư các khoản trả trước cho người bán dài hạn đã quá hạn thanh toán.

6. Phải thu về cho vay ngắn hạn

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Số cuối năm	*Dự phòng*	*Số đầu năm*	*Dự phòng*
Bên liên quan	-	-	-	-
Bên thứ ba	**1.700.000.000**	-	**5.700.000.000**	**(4.000.000.000)**
Công ty CP VKC Holding	-	-	4.000.000.000	(4.000.000.000)
Công ty TNHH SXTM Lê Phúc Khang	1.700.000.000	-	1.700.000.000	-
Cộng	**1.700.000.000**	-	**5.700.000.000**	**(4.000.000.000)**

Số dư thể hiện các khoản cho vay có thời hạn dưới 12 tháng, với lãi suất 8%/năm và không có tài sản đảm bảo.

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2022, số dư khoản cho vay ngắn hạn đã quá hạn thanh toán là 4.000.000.000 VND như đã trình bày tại Thuyết minh V.8. Đây là công nợ của Công ty con đã được thoái vốn trong năm 2023.

7. Phải thu khác

7.1. Phải thu ngắn hạn khác

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Số cuối năm	*Dự phòng*	*Số đầu năm*	*Dự phòng*
Bên liên quan	**14.040.054**	-	-	-
Bên thứ ba	**73.810.617.349**	**(34.395.849.168)**	**140.886.863.030**	-
- Tạm ứng hợp đồng đi thuê tài chính	-	-	1.500.000.000	-
- Thuế GTGT được khấu trừ của tài sản thuê tài chính chờ ghi nhận	1.234.172.992	-	1.427.293.879	-
- Thuế GTGT tài sản góp vốn	5.363.636.364	-	-	-
- Lãi tiền gửi	144.640.636	-	719.852.054	-
- Tạm ứng (7.1.1)	65.757.990.373	(33.359.201.800)	34.953.077.186	-
- Lâm Tú Ngọc (7.1.2)	-	-	100.000.000.000	-
- Phải thu ngắn hạn khác	1.310.176.984	(1.036.647.368)	2.286.639.911	(1.165.770.979)
Cộng	**73.824.657.403**	**(34.395.849.168)**	**140.886.863.030**	**(1.165.770.979)**

7.1.1. Trong đó, bao gồm khoản tạm ứng của Bà Lương Đặng Xuân để phục vụ cho hoạt động sản xuất kinh doanh của Nhóm Công ty phát sinh từ năm 2021 nhưng đến thời điểm phát hành bản báo cáo này vẫn chưa thực hiện nhưng Nhóm Công ty cũng chưa thu hồi được với số tiền là 28.746.257.760 VND.

7.1.2. Theo Nghị quyết Hội đồng quản trị số 177/NQ-HĐQT ngày 18 tháng 8 năm 2023 của Công ty CP Xuất nhập khẩu An Giang (Công ty Mẹ sở hữu 100% vốn của Nhóm Công ty), quyết định mua lại Công ty TNHH MTV Chế biến lương thực Đồng Tháp với giá mua là 100.000.000.000 VND. Bà Lâm Tú Ngọc hiện đang đứng tên trên Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp của Công ty TNHH MTV Chế biến lương thực Đồng Tháp đã nhận tiền ứng chuyển nhượng 100% vốn sang cho Nhóm Công ty. Ngày 02/11/2023, Công ty TNHH MTV Chế biến Lương Thực Đồng Tháp đã trở thành Công ty con của Công ty CP Xuất nhập khẩu An Giang.

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2023 và tại ngày 31 tháng 12 năm 2022, số dư các khoản phải thu ngắn hạn khác đã quá hạn thanh toán lần lượt là 34.396.149.168 VND và 1.251.477.379 VND như đã trình bày tại Thuyết minh V.8.

7.2. Phải thu dài hạn khác

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Số cuối năm	*Dự phòng*	*Số đầu năm*	*Dự phòng*
Bên liên quan	-	-	-	-
Bên thứ ba	**18.615.228**	-	**2.830.747.406**	-
- Cầm cố, thế chấp, ký quỹ, ký cược	18.615.228	-	2.830.747.406	-
Cộng	**18.615.228**	-	**2.830.747.406**	-

8. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi

Chi tiết số dư nợ phải thu khó đòi tại ngày 31/12/2023 như sau:

Khoản mục	*Thời gian quá hạn*	*Nợ khó đòi*	*Đã lập dự phòng*	*Chưa lập dự phòng*
Phải thu ngắn hạn khách hàng	Từ 1 đến 3 năm	39.760.305.590	(39.651.751.640)	108.553.950
Trả trước cho người bán ngắn hạn	Từ 1 đến 3 năm	98.205.426.000	(98.205.426.000)	-
Phải thu ngắn hạn khác	Từ 1 đến 3 năm	34.396.149.168	(34.395.849.168)	300.000
Cộng		**172.361.880.758**	**(172.253.026.808)**	**108.853.950**

Chi tiết số dư nợ phải thu khó đòi tại ngày 31/12/2022 như sau:

Khoản mục	*Thời gian quá hạn*	*Nợ khó đòi*	*Đã lập dự phòng*	*Chưa lập dự phòng*
Phải thu ngắn hạn khách hàng	Từ 1 đến 3 năm	49.418.671.323	(33.861.582.761)	15.557.088.562
Trả trước cho người bán ngắn hạn	Dưới 1 năm	94.540.390.000	(72.178.273.000)	22.362.117.000
Phải thu về cho vay ngắn hạn	Từ 1 đến 3 năm	4.000.000.000	(4.000.000.000)	-
Phải thu ngắn hạn khác	Từ 1 đến 3 năm	1.251.477.379	(1.165.770.979)	85.706.400
Cộng		**149.210.538.702**	**(111.205.626.740)**	**38.004.911.962**

Tình hình biến động dự phòng nợ phải thu khó đòi như sau:

	Năm nay	*Năm trước*
Số đầu năm	(111.205.626.740)	(6.021.899.066)
Trích lập dự phòng bổ sung	(71.225.534.223)	(105.183.727.674)
Giảm dự phòng do thoái vốn từ các Công ty con	10.156.657.005	
Hoàn nhập dự phòng	21.477.150	-
Số cuối năm	**(172.253.026.808)**	**(111.205.626.740)**

9. Hàng tồn kho

	31/12/2023		**01/01/2023**	
	Giá gốc	**Dự phòng**	**Giá gốc**	**Dự phòng**
Nguyên liệu, vật liệu	6.123.921.153	-	4.258.492.454	-
Công cụ dụng cụ	8.056.778.984	-	10.046.733.238	-
Sản phẩm dở dang	-	-	-	-
Thành phẩm	2.417.896.151	-	12.800.428.441	(49.484.931)
Hàng hóa	8.488.055.772	-	103.399.891.267	(1.778.166.012)
Cộng	**25.086.652.060**	-	**130.505.545.400**	**(1.827.650.943)**

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2023, một phần hàng tồn kho của Nhóm Công ty đã được dùng làm tài sản thế chấp cho các khoản vay ngắn hạn từ ngân hàng (Thuyết minh V.24)

Tình hình biến động dự phòng giảm giá hàng tồn kho như sau:

	Năm nay	*Năm trước*
Số đầu năm	(1.827.650.943)	(5.864.428.480)
Trích lập dự phòng bổ sung	-	-
Hoàn nhập dự phòng	1.827.650.943	4.036.777.537
Số cuối năm	-	**(1.827.650.943)**

10. Chi phí trả trước

10.1. Chi phí trả trước ngắn hạn

	Số cuối năm	Số đầu năm
Công cụ, dụng cụ	85.260.313	1.286.495.422
Chi phí thay thế, bảo trì, sữa chữa và khác	-	662.591.702
Cộng	**85.260.313**	**1.949.087.124**

10.2. Chi phí trả trước dài hạn

	Số cuối năm	Số đầu năm
Chi phí san lấp mặt bằng	2.856.449.540	3.309.164.272
Công cụ và dụng cụ	185.973.496	1.508.373.682
Chi phí thay thế, bảo trì, sữa chữa và khác	2.357.074.067	4.309.331.229
Cộng	**5.399.497.103**	**9.126.869.183**

11. Tài sản cố định hữu hình

	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc thiết bị	Phương tiện vận tải, truyền dẫn	Thiết bị, dụng cụ quản lý	Cộng
Nguyên giá					
Số đầu năm	184.025.629.180	243.268.148.109	14.335.929.770	17.115.939.386	458.745.646.445
Mua trong kỳ	3.619.579.155	53.962.638.455	-	887.962.963	58.470.180.573
Đầu tư XDCB hoàn thành	8.803.870.107	4.120.370.370	-	-	12.924.240.477
Tăng khác	11.592.447.771	816.000.000	-	-	12.408.447.771
Hoán đổi tài sản góp vốn	(8.970.677.874)	(358.985.000)	-	-	(9.329.662.874)
Thanh lý, nhượng bán	(32.084.969.108)	(90.392.296.782)	(5.043.338.804)	(5.486.264.428)	(133.006.869.122)
Giảm khác	(26.686.430.307)	(5.239.349.136)	(3.765.976.372)	(1.425.435.935)	(37.117.191.750)
Phân loại lại	(2)	1	-	1	-
Số cuối năm	**140.299.448.922**	**206.176.526.017**	**5.526.614.594**	**11.092.201.987**	**363.094.791.520**
Hao mòn lũy kế					
Số đầu năm	(76.719.640.604)	(116.419.982.718)	(11.756.253.866)	(6.647.827.470)	(211.543.704.658)
Khấu hao trong kỳ	(6.358.561.920)	(10.392.157.122)	(558.582.136)	(1.256.318.132)	(18.565.619.310)
Tăng khác	(660.369.343)	(233.247.326)	-	-	(893.616.669)
Hoán đổi tài sản góp vốn	8.970.677.874	358.985.000	-	-	9.329.662.874
Thanh lý, nhượng bán	1.556.285.372	5.408.946.245	4.899.376.417	937.728.692	12.802.336.726
Giảm khác	9.958.274.532	3.216.701.669	2.006.085.645	616.943.231	15.798.005.077
Phân loại lại	(10.067.244.136)	10.067.244.182	74.937.581	(74.937.627)	-
Số cuối năm	**(73.320.578.225)**	**(107.993.510.070)**	**(5.334.436.359)**	**(6.424.411.306)**	**(193.072.935.960)**
Giá trị còn lại					
Số đầu năm	107.305.988.576	126.848.165.391	2.579.675.904	10.468.111.916	247.201.941.787
Số cuối năm	**66.978.870.697**	**98.183.015.947**	**192.178.235**	**4.667.790.681**	**170.021.855.560**

Nguyên giá TSCĐ hữu hình của Nhóm Công ty đã khấu hao hết nhưng còn sử dụng tại ngày 31 tháng 12 năm 2023 là 113.473.040.132 VND (tại ngày 31 tháng 12 năm 2022: 132.083.656.776 VND).

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2023, một phần máy móc thiết bị của Nhóm Công ty đã được dùng làm tài sản thế chấp cho các khoản vay ngắn hạn từ ngân hàng (Thuyết minh V.24).

12. Tài sản cố định thuê tài chính

	Máy móc thiết bị	*Tổng cộng*
Nguyên giá		
Số đầu năm	90.792.387.627	90.792.387.627
Thuê tài chính trong năm	252.750.000	252.750.000
Số cuối năm	**91.045.137.627**	**91.045.137.627**
Hao mòn lũy kế		
Số đầu năm	(2.386.723.935)	(2.386.723.935)
Khấu hao trong năm	(5.890.247.856)	(5.890.247.856)
Số cuối năm	**(8.276.971.791)**	**(8.276.971.791)**
Giá trị còn lại		
Số đầu năm	88.405.663.692	88.405.663.692
Số cuối năm	**82.768.165.836**	**82.768.165.836**

Số dư thể hiện máy móc thiết bị thuê tài chính được thuê từ Công ty Cho thuê Tài chính TNHH MTV Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam. Hợp đồng cho thuê có thời hạn là 60 tháng với lãi suất thay đổi theo từng giai đoạn. Nhóm Công ty được quyền mua lại tài sản thuê tài chính này sau khi hợp đồng cho thuê kết thúc với giá bán lại được thỏa thuận trong hợp đồng cho thuê.

13. Tình hình tăng, giảm tài sản cố định vô hình

Chỉ tiêu	*Quyền sử dụng đất*	*Bằng quyền thương hiệu*	*Phần mềm quản lý*	*Tài sản cố định vô hình khác*	*Tổng cộng*
Nguyên giá					
Số đầu năm	314.949.623.538	612.300.000	2.318.901.000	62.640.000	317.943.464.538
Mua trong năm	359.669.000	-	-	-	359.669.000
Đầu tư XDCB hoàn thành	900.133.363	-	-	-	900.133.363
Mua lại Công ty con	51.283.697.683	-	-	-	51.283.697.683
Thanh lý, nhượng bán	(58.108.789.065)	-	-	-	(58.108.789.065)
Giảm khác	(104.772.852.532)	(612.300.000)	(1.034.919.000)	-	(106.420.071.532)
Phân loại lại	(312.714.000)	62.640.000	312.714.000	(62.640.000)	-
Số cuối năm	**204.298.767.987**	**62.640.000**	**1.596.696.000**	**-**	**205.958.103.987**
Hao mòn lũy kế					
Số đầu năm	(5.652.532.314)	(454.902.648)	(1.149.254.773)	(14.416.732)	(7.271.106.467)
Khấu hao trong năm	(3.817.313.933)	(46.784.945)	(294.421.977)	(20.880.000)	(4.179.400.855)
Mua lại Công ty con	(3.259.030.764)	-	-	-	(3.259.030.764)
Thanh lý, nhượng bán	607.219.597	-	-	-	607.219.597
Giảm khác	232.267.593	501.687.593	602.480.153	-	1.336.435.339
Phân loại lại	-	(30.141.290)	(5.155.442)	35.296.732	-
PSố cuối năm	**(11.889.389.821)**	**(30.141.290)**	**(846.352.039)**	**-**	**(12.765.883.150)**
Giá trị còn lại					
Số đầu năm	309.297.091.224	157.397.352	1.169.646.227	48.223.268	310.672.358.071
Số cuối năm	**192.409.378.166**	**32.498.710**	**750.343.961**	**-**	**193.192.220.837**

Nguyên giá TSCĐ vô hình của Nhóm Công ty đã khấu hao hết nhưng còn sử dụng tại ngày 31 tháng 12 năm 2023 và ngày 31 tháng 12 năm 2022 là 261.375.000 VND và 356.584.000 VND.

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2023 và ngày 31 tháng 12 năm 2022, một phần quyền sử dụng đất của Nhóm Công ty đã được dùng làm tài sản thế chấp cho các khoản vay ngắn hạn từ ngân hàng và trái phiếu (Thuyết minh V.24).

14. Đầu tư vào Công ty liên doanh, liên kết

	31/12/2023		01/01/2023	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
Cty TNHH Angimex - Kitoku	34.152.195.469	-	31.433.942.097	-
Cty TNHH TM Sài Gòn - An Giang	20.513.051.734	-	21.415.970.300	-
Cty CP Golden Paddy	-	-	27.790.748.163	-
Cty TNHH Angimex Furious	57.152.323.584	-	-	-
Cty TNHH Thương Mại Louis Angimex	9.331.461.347	-	9.729.445.709	-
Cộng	**121.149.032.134**	**-**	**90.370.106.269**	**-**

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2023 và ngày 31 tháng 12 năm 2022, Nhóm Công ty chưa xác định được giá trị hợp lý của các khoản đầu tư này để thuyết minh trên báo cáo tài chính hợp nhất vì các khoản đầu tư này không có giá niêm yết trên thị trường. Giá trị hợp lý của các khoản đầu tư này có thể khác với giá trị ghi sổ.

Tỷ lệ sở hữu/Quyền biểu quyết của Công ty tại các Công ty liên doanh, liên kết:

	31/12/2023		01/01/2023	
	Giá gốc	Tỷ lệ (%)	Giá gốc	Tỷ lệ (%)
Cty TNHH Angimex - Kitoku	34.152.195.469	32,96%	31.433.942.097	32,96%
Cty TNHH TM Sài Gòn - An Giang	20.513.051.734	25,00%	21.415.970.300	25,00%
Cty CP Golden Paddy	-	29,55%	27.790.748.163	29,55%
Cty TNHH Angimex Furious	57.152.323.584	49,00%	-	-
Cty TNHH Thương Mại Louis Angimex	9.331.461.347	49,00%	9.729.445.709	49,00%
Cộng	**121.149.032.134**	**-**	**90.370.106.269**	**-**

Biến động về đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết trong năm như sau:

	Năm nay	Năm trước
Số dư đầu năm	90.370.106.269	131.556.532.703
Góp vốn Công ty Cổ Phần Golden Paddy	-	-
Góp vốn Cty TNHH Thương mại Louis - Angimex	-	9.800.000.000
Chuyển từ công ty con sang công ty liên kết	57.215.105.109	-
Chuyển từ công ty liên kết sang công ty con	-	(51.920.719.015)
Lãi từ công ty liên doanh liên kết	(22.637.457.045)	2.022.319.184
Lợi nhuận được chia	(3.798.722.199)	(1.088.026.603)
Số cuối năm	**121.149.032.134**	**90.370.106.269**

15. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác

	31/12/2023		01/01/2023	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
Công ty TNHH Dịch vụ Phát Triển Nông Nghiệp Đồng Tháp - DASCO	304.000.000	-	-	-
Đơn vị khác	19.950.000	(19.950.000)	19.950.000	(19.950.000)
Cộng	**323.950.000**	**(19.950.000)**	**19.950.000**	**(19.950.000)**

16. Dự phòng giảm giá đầu tư tài chính dài hạn

	Số cuối năm	Số đầu năm
- Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	(19.950.000)	(19.950.000)
Cộng	**(19.950.000)**	**(19.950.000)**

Tình hình biến động dự phòng giảm giá đầu tư tài chính dài hạn như sau:

	Năm nay	Năm trước
Số đầu năm	(19.950.000)	-
Trích lập dự phòng bổ sung	-	-
Điều chỉnh cho năm trước	-	(19.950.000)
Hoàn nhập dự phòng	-	-
Số cuối năm	**(19.950.000)**	**(19.950.000)**

17. Tài sản thuế TNDN hoãn lại

Tài sản thuế TNDN hoãn lại và thuế TNDN hoãn lại phải trả được bù trừ khi Nhóm Công ty có quyền hợp pháp được bù trừ giữa tài sản thuế TNDN hiện hành với thuế TNDN hiện hành phải trả và khi thuế TNDN hoãn lại có liên quan đến cùng một cơ quan thuế.

Tài sản thuế TNDN hoãn lại được ghi nhận dựa trên khả năng thu được thu nhập chịu thuế trong tương lai để cấn trừ các khoản chênh lệch tạm thời đã phát sinh này.

Tại thời điểm 31/12/2023, tài sản thuế thu nhập hoãn lại không được ghi nhận cho những khoản chênh lệch tạm thời như lãi vay trong giao dịch liên kết không được trừ trong năm nay, dự phòng giảm giá đầu tư tài chính theo kế toán ... vì Nhóm Công ty ít có khả năng có thu nhập chịu thuế trong tương lai để sử dụng những lợi ích đó.

Biến động về thuế TNDN hoãn lại được bù trừ các số dư liên quan đến cùng một cơ quan thuế trong năm như sau:

	Năm nay	Năm trước
Số dư đầu năm	-	917.444.855
Ghi nhận vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh	-	(917.444.855)
Số dư cuối năm	**-**	**-**

18. Lợi thế thương mại

	Năm nay	Năm trước
Số đầu năm	**38.142.095.639**	-
Tăng do Hợp nhất kinh doanh Công ty con	**56.818.523.562**	**38.142.095.639**
- Giá mua Công ty TNHH MTV Angimex Định Thành (*)	-	150.000.000.000
- Giá trị hợp lý của tài sản thuần tại ngày mua	-	111.857.904.361
- Giá mua Công ty TNHH MTV CBLT Đồng Tháp (**)	100.000.000.000	
- Giá trị hợp lý của tài sản thuần tại ngày mua (***)	43.181.476.438	
Chênh lệch	**56.818.523.562**	**38.142.095.639**
Phân bổ lợi thế thương mại	**(3.814.209.564)**	-
Cộng	**91.146.409.637**	**38.142.095.639**

(*) Nhóm Công ty đã phân bổ lợi thế thương mại kể từ năm 2023 vì Công ty Mẹ nắm quyền kiểm soát Công ty con này kể từ ngày 19 tháng 12 năm 2022. Thời gian phân bổ không quá 10 năm.

(**) Nhóm Công ty sẽ phân bổ lợi thế thương mại kể từ năm 2024 vì Công ty Mẹ nắm quyền kiểm soát Công ty con này kể từ ngày 02 tháng 11 năm 2023. Thời gian phân bổ không quá 10 năm. Cụ thể như sau:

Theo Nghị quyết Hội đồng quản trị số 177/NQ-HĐQT ngày 18 tháng 8 năm 2022 của Công ty CP Xuất nhập khẩu An Giang (Công ty Mẹ sở hữu 100% vốn của Công ty), quyết định mua lại Công ty TNHH MTV Chế biến lương thực Đồng Tháp với giá mua là 100.000.000.000 VND. Theo chứng thư thẩm định giá số 130823 - 01/CT-SP ngày 08/8/2023 do Công ty TNHH Thẩm định giá và đào tạo Song Pha thẩm định, tổng giá trị thực tế phần vốn chủ sở hữu của Công ty TNHH MTV Chế biến Lương Thực Đồng Tháp là 81.707.063.029 VND. Đến ngày 02/11/2023, Công ty đã hoàn tất các thủ tục để tiếp nhận Công ty TNHH MTV Chế biến Lương Thực Đồng Tháp trở thành Công ty con của Công ty. Nhóm Công ty sử dụng Kết quả kinh doanh và dòng lưu chuyển tiền tệ Quý IV năm 2023 của Công ty TNHH MTV Chế biến Lương Thực Đồng Tháp để hợp nhất kinh doanh.

(***) Giá trị hợp lý của tài sản thuần theo chứng thư thẩm định giá số 130823 - 01/CT-SP ngày 08/8/2023 do Công ty TNHH Thẩm định giá và đào tạo Song Pha thẩm định là 78.545.747.912 VND, theo đó, chỉ thẩm định lại giá trị của tài sản cố định hữu hình và vô hình mà không đánh giá lại các khoản nợ phải thu khó đòi và tài sản thiếu của TNHH MTV Chế biến Lương Thực Đồng Tháp tại thời điểm thẩm định. Các khoản nợ phải thu khó đòi và tài sản thiếu này được Nhóm Công ty đưa về xác định lại giá trị hợp lý tại ngày mua với giá trị sụt giảm là 35.364.271.475 VND. Trong đó, bao gồm tiền tạm ứng của nhân viên đã nghỉ việc là 33.359.201.800 VND và tiền thiếu so với tồn quỹ thực tế là 2.005.069.675 VND.

19. Phải trả người bán ngắn hạn

	Số cuối năm	Số đầu năm
Bên liên quan	-	-
Bên thứ ba	**16.517.831.922**	**20.898.600.214**
- Cty TNHH MTV Kho Vận Wings Global	1.174.959.954	782.832.255
- Cty TNHH vận chuyển Thuận Phong	22.773.960	186.604.920
- Cty CP Tiếp vận Phước Tạo	61.112.880	117.080.856
- Cty TNHH MTV Tân Cảng Sài Gòn	-	1.041.336.000
- Cty TNHH TM Hiền Phan	-	1.952.580.000
- Thái Minh Lợi	1.888.709.930	-
- Công ty TNHH SX TM Lê Phúc Khang	2.331.252.000	854.200.000
- Khác	11.039.023.198	15.963.966.183
Cộng	**16.517.831.922**	**20.898.600.214**

20. Người mua trả tiền trước ngắn hạn

	Số cuối năm	Số đầu năm
Bên liên quan	-	-
Bên thứ ba	**93.063.358.706**	**10.870.252.889**
- Isaj Sea Transport Corporation	997.200.854	6.878.690.854
- Carolina Marketing	1.177.415.750	1.177.415.750
- Công ty Cổ phần GKM Holdings	40.700.000.000	-
- Công ty TNHH MTV Louis Rice	40.080.000.000	-
- Khác	10.108.742.102	2.814.146.285
Cộng	**93.063.358.706**	**10.870.252.889**

21. Thuế và các khoản phải thu/phải nộp Nhà nước

	Số đầu năm		Số phát sinh trong năm			Số cuối năm	
	Phải thu	Phải nộp	Số phải nộp	Số đã nộp	Điều chỉnh loại thuế	Phải thu	Phải nộp
- Thuế GTGT		706.073.024	2.464.742.660	(3.412.533.846)	(127.320)	(241.845.482)	
- Thuế TNDN	-	1.039.588.734	231.136.573	(1.275.467.600)	4.742.293	-	
- Thuế TNCN	-	302.014.958	1.010.674.376	(1.153.737.937)	(4.614.973)	-	154.336.424
- Thuế khác	-	-	997.574.503	(1.255.981.130)	-	(258.406.627)	
Cộng	**-**	**2.047.676.716**	**4.704.128.112**	**(7.097.720.513)**	**-**	**500.252.109**	**154.336.424**

Các báo cáo thuế của Nhóm Công ty sẽ được kiểm tra bởi cơ quan thuế. Do sự áp dụng của luật thuế cho từng loại nghiệp vụ và việc giải thích, hiểu cũng như chấp thuận theo nhiều cách khác nhau nên số liệu của báo cáo tài chính hợp nhất có thể sẽ khác với số liệu của cơ quan thuế. Do vậy, số thuế được trình bày trên báo cáo tài chính hợp nhất kết thúc ngày 31/12/2023 có thể sẽ thay đổi khi có quyết toán của Cơ quan thuế.

Thuế giá trị gia tăng

Nhóm Công ty nộp thuế giá trị gia tăng theo phương pháp khấu trừ. Thuế suất thuế giá trị gia tăng cho các hoạt động áp dụng mức thuế suất theo quy định hiện hành.

Chi phí thuế Thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành

Thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp được tính như sau:

	Năm nay	Năm trước
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	**(214.921.711.384)**	**(230.459.452.820)**
- Các khoản điều chỉnh tăng	*125.384.550.114*	*102.897.491.033*
- Các khoản điều chỉnh giảm	*(4.106.038.393)*	*(1.594.002.231)*
Thu nhập chịu thuế	**(93.643.199.663)**	**(129.155.964.018)**
Lỗ được chuyển lỗ	**(94.798.882.527)**	**(125.471.754.499)**
Thu nhập tính thuế (*)	**1.155.682.864**	**3.684.209.519**
Trong đó,		
Thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp		
Hoạt động kinh doanh lương thực	15%	15%
Hoạt động khác (kể cả bất động sản)	20%	20%
Chi phí thuế TNDN hiện hành	***231.136.573***	***1.605.861.295***
Tổng thuế TNDN phải nộp	**231.136.573**	**1.605.861.295**

(*) Đây là thu nhập tính thuế của Công ty Dasco giai đoạn trước khi thoái vốn.

Các loại thuế khác

Công ty kê khai và nộp theo quy định.

22. Chi phí phải trả ngắn hạn

	Số cuối năm	Số đầu năm
Chi phí lãi vay phải trả	81.251.874.622	22.361.132.481
Thù lao Hội đồng quản trị	1.837.074.195	1.696.000.000
Chi phí hỗ trợ bán hàng	106.411.389	773.402.164
Khác	1.631.485.104	1.789.580.194
Cộng	**84.826.845.310**	**26.620.114.839**

23. Phải trả khác

23.1. Phải trả ngắn hạn khác

	Số cuối năm	Số đầu năm
- Kinh phí công đoàn	1.864.269.602	1.829.714.816
- Phải trả về cổ phần hóa	2.417.578.793	2.417.578.793
- Các khoản phải trả khác	22.065.531.655	1.420.097.258
Cộng	**26.347.380.050**	**5.667.390.867**

23.2. Phải trả dài hạn khác

	Số cuối năm	Số đầu năm
Bên thứ ba		
- Nhận tiền ký quỹ	668.200.000	976.381.818
Cộng	**668.200.000**	**976.381.818**

24. Các khoản vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn và dài hạn

	Số cuối năm	Số đầu năm
Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	955.938.077.128	952.978.943.102
Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	30.675.378.757	257.236.498.862
Cộng	**986.613.455.885**	**1.210.215.441.964**

24.1. Các khoản vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn

	Số cuối năm	Số đầu năm
Bên liên quan	-	-
Bên thứ ba	**379.956.313.457**	**596.895.158.474**
Ngân hàng TMCP Đầu tư phát triển Việt Nam - CN An Giang (VND)	-	2.863.547.692
Ngân hàng TMCP Đầu tư phát triển Việt Nam - CN An Giang (VND)	-	73.579.970.889
Ngân hàng Đầu tư phát triển Việt Nam - CN Bắc An Giang (VND) (24.1.1)	67.130.262.000	-
Ngân hàng Đầu tư phát triển Việt Nam - CN Bắc An Giang (VND) (24.1.2)	47.344.000.000	23.530.000.000
Ngân hàng Đầu tư phát triển Việt Nam - CN Bắc An Giang (USD) (24.1.2)	259.660.520.650	290.046.510.000
Ngân hàng Đầu tư phát triển Việt Nam - CN Bắc An Giang (VND)	-	82.162.346.809
Ngân hàng TMCP Tiên Phong - CN An Giang (VND)	-	6.976.300.000
Ngân hàng TMCP Phát triển TP Hồ Chí Minh - CN An Giang (VND)	-	390.000.000
Ngân hàng TMCP Phát triển TP Hồ Chí Minh - CN An Giang (USD)	-	27.440.967.300
Ngân hàng TMCP An Bình - CN TP Hồ Chí Minh (USD)	-	78.207.870.000
Vay cá nhân – Trần Thị Thùy Dương (VND) (24.1.3)	2.079.319.000	2.079.319.000
Vay cán bộ công nhân viên (VND) (24.1.4)	3.742.211.807	7.518.326.784
Vay cá nhân khác	-	2.100.000.000
Vay và nợ thuê tài chính đến hạn trả	**575.981.763.671**	**356.083.784.628**
Công ty cho thuê tài chính TNHH MTV Ngân hàng Công thương Việt Nam – CN TP Hồ Chí Minh (VND)	15.980.763.671	7.062.951.293
Trái phiếu AGMH2123001 – Nợ gốc (24.1.5)	350.000.000.000	350.000.000.000
Trái phiếu AGMH2123001 – Phí	-	(979.166.665)
Trái phiếu AGMH2223001 – Nợ gốc (24.1.6)	210.001.000.000	
Trái phiếu AGMH2223001 – Phí	-	
Cộng	**955.938.077.128**	**952.978.943.102**

24.1.1. Khoản vay ngắn hạn theo Hợp đồng tín dụng số 01/2023/14503037/HĐTD, có kỳ hạn 12 tháng với lãi suất thay đổi theo từng thời kỳ. Khoản vay nhằm mục đích bổ sung vốn lưu động, có tài sản thế chấp là hàng tồn kho, các khoản phải thu và máy móc thiết bị với giá trị tối thiểu tương đương với dư nợ gốc và lãi vay của Nhóm Công ty cùng với (Thuyết minh V.2, Thuyết minh V.5 và Thuyết minh V.7).

24.1.2. Khoản vay ngắn hạn theo Hợp đồng tín dụng số 01/2022/548402/HĐTD, có kỳ hạn 491 ngày lãi suất 8,0%/năm (VND) và có kỳ hạn 486 ngày với lãi suất 5%/năm (USD): Khoản vay nhằm mục đích bổ sung nhu cầu vốn lưu động, có tài sản thế chấp là quyền sử dụng đất, tài sản gắn liền với đất và các hợp đồng tiền gửi có kỳ hạn tại ngân hàng của Nhóm Công ty (Thuyết minh V.3, Thuyết minh V.11 và Thuyết minh V.13)

24.1.3. Khoản vay ngắn hạn với cá nhân theo Hợp đồng tín dụng số 02/HĐTD/2022 và phụ lục Hợp đồng tín dụng số 02/HĐTD/2022/PL01 có kỳ hạn dưới 12 tháng, lãi suất 12%/năm. Đây là khoản vay tín chấp và nhằm bổ sung nhu cầu vốn lưu động của Nhóm Công ty.

24.1.4. Khoản vay ngắn hạn với các cán bộ công nhân viên Công ty theo Thông báo số 489//TB-XNK có kỳ hạn dưới 12 tháng, lãi suất từ 2%/năm đến 12%/năm. Đây là khoản vay tín chấp và nhằm bổ sung nhu cầu vốn lưu động của Công ty.

24.1.5. Trái phiếu được phát hành trên cơ sở Nghị quyết số 69/NQ-HĐQT ngày 08 tháng 11 năm 2021, Nghị quyết số 101/NQ-HĐQT ngày 22 tháng 12 năm 2021 và Nghị quyết số 102/NQ-HĐQT ngày 24 tháng 12 năm 2021 của Hội đồng quản trị Công ty Cổ phần Xuất nhập khẩu An Giang. Số tiền thu được từ phát hành trái phiếu AGMH2123001 sẽ được sử dụng để mua nhà máy gạo tại Đồng Tháp để mở rộng hoạt động sản xuất chế biến gạo. Ngày đáo hạn là ngày 09 tháng 11 năm 2023. Theo Biên bản Hội nghị sở hữu trái phiếu AGMH2123001 tổ chức ngày 03/02/2023, trái chủ đồng ý phát mãi tài sản đảm bảo để thanh toán cả gốc và lãi cho trái chủ.

24.1.6. Trái phiếu được phát hành trên cơ sở Nghị quyết số 132/NQ-HĐQT ngày 03 tháng 3 năm 2022 của Hội đồng quản trị. Số tiền thu được từ phát hành trái phiếu AGMH2223001 sẽ được sử dụng để đầu tư, góp vốn vào Công ty TNHH MTV Chế Biến Lương Thực Angimex (Công ty con, tổ chức phát hành sở hữu 100% vốn) nhằm bổ sung vốn lưu động, mở rộng quy mô hoạt động và nâng cao năng lực sản xuất, chế biến lúa gạo. Theo nghị quyết người sở hữu trái phiếu số 01/NQ-NSHTP ngày 04/7/2023, đã thông qua việc gia hạn trái phiếu AGMH2223001 đến ngày 14/9/2024. Theo nghị quyết người sở hữu trái phiếu số 02/NQ-NSHTP ngày 05/02/2024, trái chủ đồng ý phát mãi tài sản đảm bảo để thanh toán cả gốc và lãi cho trái chủ.

Chi tiết số phát sinh khoản vay ngắn hạn trong năm như sau:

	Năm nay	Năm trước
Số đầu năm	952.978.943.102	937.654.243.196
Số tiền vay phát sinh	621.028.030.000	2.609.232.525.995
Ảnh hưởng chênh lệch tỷ giá	6.799.431.970	3.139.482.062
Vay dài hạn đến hạn trả chuyển sang	224.838.320.103	356.083.784.628
Số tiền vay đã trả	(850.685.814.712)	(2.953.131.092.779)
Phân bổ phí trái phiếu	979.166.665	-
Số cuối năm	**955.938.077.128**	**952.978.943.102**

24.2. Các khoản vay và nợ thuê tài chính dài hạn

	Số cuối năm	Số đầu năm
Nợ thuê tài chính	**30.675.378.757**	**47.707.998.860**
Công ty Cho thuê tài chính TNHH MTV Ngân hàng Công Thương Việt Nam - CN TP.HCM	30.675.378.757	47.707.998.860
Vay trái phiếu	-	**209.528.500.002**
Trái phiếu AGMH2223001 – Nợ gốc (24.2.1)	-	210.001.000.000
Trái phiếu AGMH2223001 – Phí	-	(472.499.998)
Cộng	**30.675.378.757**	**257.236.498.862**

24.2.1. Trái phiếu được phát hành trên cơ sở Nghị quyết số 132/NQ-HĐQT ngày 03 tháng 3 năm 2022 của Hội đồng quản trị. Số tiền thu được từ phát hành trái phiếu AGMH2223001 sẽ được sử dụng để đầu tư, góp vốn vào Công ty TNHH MTV Chế Biến Lương Thực Angimex (Công ty con, tổ chức phát hành sở hữu 100% vốn) nhằm bổ sung vốn lưu động, mở rộng quy mô hoạt động và nâng cao năng lực sản xuất, chế biến lúa gạo. Theo nghị quyết người sở hữu trái phiếu số 01/NQ-NSHTP ngày 04/7/2023, đã thông qua việc gia hạn trái phiếu AGMH2223001 đến ngày 14/9/2024. Tại thời điểm 31/12/2023, toàn bộ số dư khoản vay trái phiếu này đã được kết chuyển sang vay ngắn hạn.

Chi tiết số phát sinh khoản vay dài hạn trong năm như sau:

	Năm nay	Năm trước
Số đầu năm	257.236.498.862	340.799.833.333
Số tiền vay phát sinh	-	412.646.663.434
Số tiền vay đã trả	(2.195.300.000)	(140.126.213.277)
Vay dài hạn đến hạn trả chuyển sang ngắn hạn	(224.838.320.103)	(356.083.784.628)
Phân bổ phí trái phiếu	472.499.998	-
Số cuối năm	**30.675.378.757**	**257.236.498.862**

25. Quỹ khen thưởng phúc lợi

	Năm nay	Năm trước
Số đầu năm	4.720.243.269	4.453.016.602
Trích quỹ trong năm	-	1.000.000.000
Thu quỹ phòng chống thiên tai	5.113.353	9.963.374
Sử dụng quỹ	(269.020.020)	(742.736.707)
Cộng	**4.456.336.602**	**4.720.243.269**

26. Dự phòng phải trả dài hạn

	Số cuối năm	Số đầu năm
Dự phòng trợ cấp thôi việc	1.576.948.016	1.989.698.016
Cộng	**1.576.948.016**	**1.989.698.016**

27. Vốn chủ sở hữu

(a) *Bảng đối chiếu biến động vốn chủ sở hữu*

	Vốn góp của chủ sở hữu	*Quỹ đầu tư phát triển*	*Quỹ khác của chủ sở hữu*	*Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối*	*Lợi ích cổ đông không kiểm soát*	*Tổng cộng*
Số dư đầu năm trước	**182.000.000.000**	**120.464.000.000**	**5.021.000.000**	**175.173.572.569**	**-**	**482.658.572.569**
Lợi nhuận trong năm trước	-	-	-	(234.162.606.334)	1.179.847.364	(232.982.758.970)
Thay đổi tỷ lệ sở hữu tại công ty con				(10.747.675.653)	54.085.172.244	43.337.496.591
Trích quỹ khen thưởng phúc lợi	-	-	-	(1.000.000.000)		(1.000.000.000)
Số dư cuối năm trước	**182.000.000.000**	**120.464.000.000**	**5.021.000.000**	**(70.736.709.418)**	**55.265.019.608**	**292.013.310.190**

	Vốn góp của chủ sở hữu	*Quỹ đầu tư phát triển*	*Quỹ khác của chủ sở hữu*	*Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối*	*Lợi ích cổ đông không kiểm soát*	*Tổng cộng*
Số dư đầu năm nay	**182.000.000.000**	**120.464.000.000**	**5.021.000.000**	**(70.736.709.418)**	**55.265.019.608**	**292.013.310.190**
Lợi nhuận trong năm nay	-	-	-	(214.921.711.384)	(5.943.895.672)	(220.865.607.056)
Hoàn nhập lại các Quỹ vào lợi nhuận		(120.464.000.000)	(5.021.000.000)	125.485.000.000		-
Thay đổi tỷ lệ sở hữu tại công ty con				-	(49.321.123.936)	(49.321.123.936)
Số dư cuối năm nay	**182.000.000.000**	**-**	**-**	**(160.173.420.802)**	**-**	**21.826.579.198**

Theo Nghị Quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2023 số 254/NQ-ĐHĐCĐ ngày 29 tháng 6 năm 2023, Đại hội đồng cổ đông của Công ty đã thống nhất không thực hiện phân phối lợi nhuận cho năm 2022 do kinh doanh của Công ty không có lợi nhuận; đồng thời không thực hiện phân phối lợi nhuận năm 2020, 2021 mà Đại hội cổ đông thường niên năm 2021 và 2022 đã thông qua.

Theo Biên bản Đại hội đồng cổ đông bất thường năm 2023 số 147/BB-ĐHĐCĐ ngày 06 tháng 11 năm 2023 và Nghị quyết số 298/NQ-HĐQT ngày 25 tháng 01 năm 2024, Đại hội đồng cổ đông của Công ty thông qua phương án hoàn nhập Quỹ đầu tư phát triển và Quỹ khác thuộc vốn chủ về lại lợi nhuận sau thuế chưa phân phối để bù đắp lỗ luỹ kế.

Vốn góp của các cổ đông như sau:

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Tỷ lệ (%)	*VND*	*Tỷ lệ (%)*	*VND*
Các cổ đông khác	100%	182.000.000.000	100%	182.000.000.000
Cộng	**100%**	**182.000.000.000**	**100%**	**182.000.000.000**

Giá trị trái phiếu đã chuyển thành cổ phiếu trong năm: không có
Số lượng cổ phiếu quỹ: không có

(b) Các giao dịch về vốn với các chủ sở hữu và phân phối cổ tức, chia lợi nhuận

	Năm nay	Năm trước
- Vốn đầu tư của chủ sở hữu		
" Vốn góp đầu năm	182.000.000.000	182.000.000.000
" Vốn góp tăng trong năm	-	-
" Vốn góp giảm trong năm	-	-
" Vốn góp cuối năm	182.000.000.000	182.000.000.000
- Cổ tức, lợi nhuận đã chia	-	-

(c) Cổ tức

- Cổ tức đã công bố sau ngày kết thúc kỳ kế toán: không có
  + *Cổ tức đã công bố trên cổ phiếu thường: không có*
  + *Cổ tức đã công bố trên cổ phiếu ưu đãi: không có*
- Cổ tức của cổ phiếu ưu đãi lũy kế chưa được ghi nhận: không có

(d) Cổ phiếu

	Năm nay	Năm trước
- Số lượng cổ phiếu được phép phát hành	18.200.000	18.200.000
- Số lượng CP đã được phát hành và góp vốn đầy đủ	18.200.000	18.200.000
▪ *Cổ phiếu thường*	*18.200.000*	*18.200.000*
▪ *Cổ phiếu ưu đãi*	-	-
- Số lượng cổ phiếu được mua lại	-	-
▪ *Cổ phiếu thường*	-	-
▪ *Cổ phiếu ưu đãi*	-	-
- Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	18.200.000	18.200.000
▪ *Cổ phiếu thường*	*18.200.000*	*18.200.000*
▪ *Cổ phiếu ưu đãi*	-	-

Mệnh giá cổ phiếu: 10.000 VND/Cổ phiếu

28. Các khoản mục ngoài bảng cân đối kế toán

28.1. Ngoại tệ các loại

	Số cuối năm	Số đầu năm
Dollar Mỹ (USD)	4.728,87	8.768,92

28.2. Cam kết thuê hoạt động

Tổng số tiền thuê tối thiểu phải trả trong tương lai theo hợp đồng thuê hoạt động không hủy ngang được trình bày tại Thuyết minh VIII.4.

VI. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

1. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ

Doanh thu	Năm nay	Năm trước
Doanh thu bán hàng nông sản	334.689.694.637	2.721.940.114.010
Doanh thu bán xe gắn máy và phụ tùng	409.519.027.472	613.603.499.099
Doanh thu dịch vụ nông nghiệp	665.365.505	1.038.834.378
Doanh thu khác	43.897.756.253	95.995.027.280
Cộng	**788.771.843.867**	**3.432.577.474.767**
Các khoản giảm trừ		
Chiết khấu thương mại	(300.920.694)	(607.520.923)
Hàng bán bị trả lại	(506.926.450)	(2.120.809.013)
Cộng	**(807.847.144)**	**(2.728.329.936)**
Doanh thu thuần		
Doanh thu thuần bán hàng nông sản	334.496.218.217	2.719.211.784.074
Doanh thu thuần bán xe gắn máy và phụ tùng	409.465.968.836	613.603.499.099
Doanh thu dịch vụ nông nghiệp	665.365.505	1.038.834.378
Doanh thu thuần khác	43.336.444.165	95.995.027.280
Cộng	**787.963.996.723**	**3.429.849.144.831**

2. Giá vốn hàng bán

	Năm nay	Năm trước
Giá vốn hàng nông sản	369.306.254.286	2.623.524.040.130
Giá vốn hàng xe gắn máy và phụ tùng	377.338.991.193	545.934.979.744
Doanh thu dịch vụ nông nghiệp	512.269.477	402.115.036
Giá vốn khác	21.741.810.539	80.439.649.996
Cộng	**768.899.325.495**	**3.250.300.784.906**

3. Doanh thu hoạt động tài chính

	Năm nay	Năm trước
Lãi tiền gửi, tiền cho vay	2.158.956.767	2.926.593.939
Lãi chênh lệch tỷ giá đã thực hiện	1.182.108.493	21.796.867.815
Lãi thuần do đánh giá lại các khoản có gốc ngoại tệ cuối năm	197.411	3.207.665.690
Lãi thuần từ việc chuyển nhượng, hợp nhất công ty con	15.932.514.422	19.311.511.058
Lãi bán chứng khoán kinh doanh	449.257.125	-
Lãi đầu tư hoạt động tài chính khác	-	28.116.557.830
Cộng	**19.723.034.218**	**75.359.196.332**

4. Chi phí tài chính

	Năm nay	Năm trước
Chi phí lãi tiền vay	111.260.639.541	94.122.569.414
Lỗ chênh lệch tỷ giá đã thực hiện	328.417.631	28.407.461.597
Lỗ thuần do đánh giá lại các khoản có gốc ngoại tệ cuối năm	7.735.928.431	-
Chi phí đầu tư tài chính	83.613.525	38.961.667.337
Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh	(17.950.666.604)	-
Chi phí do các hoạt động tài chính khác	1.423.828.589	1.687.923.771
Cộng	**102.881.761.113**	**163.179.622.119**

5. Lãi lỗ trong công ty liên doanh liên kết

	Năm nay	Năm trước
Cty TNHH Angimex - Kitoku	3.746.431.971	3.618.662.434
Cty TNHH TM Sài Gòn - An Giang	1.867.625.033	3.401.081.777
Cty CP Golden Paddy	(27.790.748.163)	(4.926.870.735)
Cty TNHH Angimex Furious	(62.781.525)	3.103.881.259
Cty TNHH Thương Mại Louis Angimex	(397.984.361)	(70.554.292)
Cộng	**(22.637.457.045)**	**5.126.200.443**

Lãi lỗ từ công ty liên doanh liên kết được căn cứ vào các Báo cáo tài chính năm 2023 đã được kiểm toán của các công ty liên doanh liên kết, ngoại trừ Báo cáo tài chính năm 2023 của Công ty TNHH Thương mại Louis Angimex. Do vậy, lãi lỗ từ công ty liên doanh liên kết này có thể thay đổi khi có kết quả kiểm toán Báo cáo tài chính năm 2023 của Công ty TNHH Thương mại Louis Angimex.

Riêng Báo cáo tài chính năm 2023 của Công ty Cổ phần Golden Paddy cũng chưa được kiểm toán, tuy nhiên Nhóm Công ty đã xác định lỗ tối đa bằng số vốn đã đầu tư vào Công ty này.

6. Chi phí bán hàng

	Năm nay	Năm trước
Chi phí nhân viên	24.164.740.369	15.624.609.270
Chi phí vật liệu, bao bì	3.546.126.691	50.870.781.661
Chi phí dụng cụ, đồ dùng	3.531.286.997	591.133.287
Chi phí khấu hao TSCĐ	2.250.881.993	1.787.641.892
Chi phí dịch vụ mua ngoài	9.068.566.372	119.815.673.741
Chi phí bằng tiền khác	3.902.848.704	11.720.872.529
Cộng	**46.464.451.126**	**200.410.712.380**

7. Chi phí quản lý doanh nghiệp

	Năm nay	Năm trước
Chi phí nhân viên quản lý	9.883.209.621	19.022.603.496
Chi phí đồ dùng văn phòng	6.663.733.649	1.862.522.039
Chi phí khấu hao TSCĐ	985.492.392	3.356.950.491
Thuế, phí và lệ phí	850.006.134	2.559.207.514
Chi phí dự phòng	37.844.855.273	105.362.560.474
Chi phí dịch vụ mua ngoài	7.989.715.521	491.064.386
Chi phí bằng tiền khác	2.874.182.712	9.172.753.057
Cộng	**67.091.195.302**	**141.827.661.457**

8. Thu nhập khác

	Năm nay	Năm trước
Thu nhập nhượng bán, thanh lý TSCĐ	-	13.965.406.583
Thu từ hoa hồng	753.643.725	-
Thu từ nhà phân phối	1.129.459.294	-
Thu bồi thường hợp đồng	14.850.314.731	-
Thu nhập khác	2.888.931.936	2.250.453.778
Cộng	**19.622.349.686**	**16.215.860.361**

9. Chi phí khác

	Năm nay	Năm trước
Lỗ nhượng bán, thanh lý TSCĐ	26.461.586.228	-
- *Thu về nhượng bán, thanh lý TSCĐ*	*(109.433.548.636)*	-
- *Giá trị còn lại*	*135.895.134.864*	-
Chi bồi thường vi phạm hợp đồng	5.714.254.926	-
Chi phạt chậm nộp thuế, BHXH	40.953.775	-
CP khấu hao TSCĐ không tham gia sản xuất	3.792.778.226	-
Chi phí khác	3.960.087.874	1.291.073.925
Cộng	**39.969.661.029**	**1.291.073.925**

10. Lãi trên cổ phiếu

10.1. Lãi cơ bản/lãi suy giảm trên cổ phiếu

	Năm nay	Năm trước
- Lợi nhuận thuần phân bổ cho các cổ đông	(214.921.711.384)	(234.162.606.334)
- Trừ Quỹ khen thưởng – phúc lợi	-	-
Lợi nhuận phân bổ cho cổ phiếu phổ thông	**(214.921.711.384)**	**(234.162.606.334)**
- Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành bình quân	18.200.000	18.200.000
Lãi cơ bản/lãi suy giảm trên cổ phiếu	**(11.809)**	**(12.866)**

10.2. Thông tin khác

Công ty không có cổ phiếu phổ thông tiềm tàng có tác động suy giảm trong năm và đến ngày lập Báo cáo tài chính hợp nhất này. Do đó lãi suy giảm trên cổ phiếu bằng với lãi cơ bản trên cổ phiếu.

11. Chi phí sản xuất kinh doanh theo yếu tố

Chi phí sản xuất kinh doanh theo yếu tố thể hiện các chi phí phát sinh trong năm từ hoạt động kinh doanh của Công ty, không bao gồm giá mua hàng hóa phát sinh trong hoạt động thương mại. Chi tiết được trình bày như sau:

	Năm nay	Năm trước
- Chi phí nguyên vật liệu	224.293.858.428	1.097.123.203.599
- Chi phí nhân công	13.348.548.028	59.652.566.332
- Chi phí khấu hao TSCĐ	17.597.377.434	15.023.720.826
- Chi phí dịch vụ mua ngoài	23.284.405.333	119.534.298.568
- Chi phí khác bằng tiền	5.397.473.671	61.297.903.453
Cộng	**283.921.662.894**	**1.352.631.692.778**

VII. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ

Các giao dịch không bằng tiền ảnh hưởng đến Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất: không có

VIII. NHỮNG THÔNG TIN KHÁC

1. Những khoản nợ tiềm tàng, khoản cam kết và những thông tin tài chính khác: Công nợ tiềm tàng

Chi phí hoàn nguyên liên quan đến đất thuê

Nhóm Công ty có các hợp đồng thuê đất và đã thực hiên đầy đủ việc xây dựng công trình và hạ tầng trên các lô đất thuê này. Đa số các hợp đồng không có quy định rõ ràng về nghĩa vụ cần hoàn nguyên khu đất thuê. Ban Tổng Giám đốc đánh giá là Nhóm Công ty có thể có các nghĩa vụ trong tương lai liên quan đến việc tháo dỡ, di dời các tài sản của Nhóm Công ty ra khỏi khu đất và phục hồi khu đất về tình trạng ban đầu tại cuối thời hạn thuê đất, và nghĩa vụ này chỉ có thể xác định được rõ ràng khi có thêm các sự kiện trong tương lai, ví dụ như các trao đổi bổ sung với bên cho thuê đất hay khi cơ quan chức năng ban hành bổ sung các văn bản pháp luật làm rõ nghĩa vụ của bên đi thuê khi hợp đồng thuê đất không nêu rõ điều khoản hoàn nguyên. Do đó, Nhóm Công ty không ghi nhận khoản dự phòng chi phí hoàn nguyên vào Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023.

2. Giao dịch và số dư với các bên liên quan

Các bên liên quan bao gồm: các thành viên quản lý chủ chốt, các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt và các bên liên quan khác.

2.1 Giao dịch và số dư với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt

Các thành viên quản lý chủ chốt gồm: Thành viên Hội đồng quản trị và các thành viên Ban điều hành. Các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt là các thành viên mật thiết trong gia đình các thành viên quản lý chủ chốt.

Giao dịch với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt

Nhóm Công ty không phát sinh giao dịch bán hàng và cung cấp dịch vụ cho các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt cũng như không phát sinh các giao dịch khác với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt.

Công nợ với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt

Nhóm công ty không có số dư công nợ với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt.

Thu nhập của các thành viên quản lý chủ chốt

Thù lao thành viên Hội đồng quản trị	Chức danh	Năm nay	Năm trước
Nghiêm Hải Anh	Chủ tịch	200.000.000	-
Đỗ Thành Nhân	Chủ tịch	-	335.000.000
Trịnh Văn Bảo	Chủ tịch	-	211.000.000
Lê Văn Huy	Thành viên	-	60.000.000
Trịnh Văn Bảo	Thành viên	-	54.000.000
Đặng Doãn Kiên	Thành viên	-	50.000.000
Nguyễn Lê Văn	Thành viên	-	50.000.000
Tổng thu nhập		**200.000.000**	**760.000.000**

Thu nhập của Ban Tổng giám đốc và nhân sự quản lý khác	Chức danh	Năm nay	Năm trước
Huỳnh Thanh Tùng	Tổng Giám đốc	859.600.000	1.538.422.300
Võ Thanh Bào	Tổng Giám đốc	-	253.226.800
Trần Vũ Đình Thi	Phó Tổng Giám đốc	310.084.300	909.521.255
Quách Tất Liệt	Phó Tổng Giám đốc	274.006.200	787.936.944
Nguyễn Thị Minh Hồng	Phó Tổng Giám đốc	-	280.500.000
Vũ Ngọc Long	Phó Tổng Giám đốc	-	233.241.486
Ngọ Văn Trị	Phó Tổng Giám đốc	-	58.350.900
Trần Thị Cẩm Châm	Kế toán trưởng	392.350.000	706.104.823
Tổng thu nhập		**1.836.040.500**	**4.767.304.508**

Thù lao của Ban kiểm soát	Chức danh	Năm nay	Năm trước
Hồ Đăng Dân	Trưởng ban	-	40.000.000
Hồ Lê Hoàng Anh	Thành viên	-	25.000.000
Nguyễn Bá Ngọc	Thành viên	-	25.000.000
Tổng thu nhập			**90.000.000**

2.2 Giao dịch và số dư với các bên liên quan khác

Các bên liên quan khác với Công ty bao gồm:

Bên liên quan khác	Quan hệ
- Công ty TNHH Dịch vụ Phát Triển Nông Nghiệp Đồng Tháp (*)	Công ty con
- Công ty TNHH Lương thực Angimex	Công ty con
- Công ty TNHH Angimex Furious (**)	Công ty con
- Công ty TNHH MTV Chế biến lương thực Angimex	Công ty con
- Công ty TNHH MTV Dịch vụ nông nghiệp công nghệ cao Angimex	Công ty con
- Công ty TNHH MTV Angimex Định Thành	Công ty con (cấp 2)
- Công ty TNHH MTV Chế biến lương thực Đồng Tháp (***)	Công ty con (cấp 2)
- Công ty TNHH Angimex - Kitoku	Công ty liên doanh
- Công ty TNHH TM Sài Gòn - An Giang	Công ty liên kết
- Công ty CP Golden Paddy	Công ty liên kết
- Công ty TNHH Thương Mại Louis Angimex	Công ty liên kết
- Công ty cổ phần The Golden Group (tiền thân Công ty Cổ phần Louis Capital)	Tổ chức có liên quan người nội bộ

(*) Không còn là công ty con do đã thoái vốn tháng 5 năm 2023.
(**) Không còn là công ty con do đã thoái vốn ngày 27 tháng 12 năm 2023.
(***) Trở thành công ty con vào ngày 02 tháng 11 năm 2023.

Giao dịch với các bên liên quan khác

Bán hàng và cung cấp dịch vụ	Năm nay	Năm trước
Công ty liên doanh, liên kết	769.954.680	22.445.360.350
Cộng	**769.954.680**	**22.445.360.350**

Mua hàng hóa và dịch vụ	Năm nay	Năm trước
Công ty liên doanh, liên kết	183.148.389	74.857.562.147
Cộng	**183.148.389**	**74.857.562.147**

Góp vốn	Năm nay	Năm trước
Công ty liên doanh, liên kết	-	9.800.000.000
Cộng	**-**	**9.800.000.000**

Chuyển nhượng vốn góp	Năm nay	Năm trước
Bên liên quan khác	21.000.000.000	32.300.000.000
Cộng	**21.000.000.000**	**32.300.000.000**

Lợi nhuận được chia	Năm nay	Năm trước
Công ty liên doanh, liên kết	3.798.722.199	1.088.026.603
Cộng	**3.798.722.199**	**1.088.026.603**

Số dư với các bên liên quan khác

Phải thu ngắn hạn khách hàng	Số cuối năm	Số đầu năm
Công ty liên doanh, liên kết	10.694.886.803	8.084.922.850
Cộng	**10.694.886.803**	**8.084.922.850**

Phải thu ngắn hạn khác	Số cuối năm	Số đầu năm
Công ty liên doanh, liên kết	14.040.054	-
Cộng	**14.040.054**	**-**

3. Thông tin về bộ phận

Ban Giám đốc của Nhóm Công ty xác định rằng, việc ra các quyết định quản lý của Nhóm Công ty chủ yếu dựa trên các loại sản phẩm, dịch vụ mà Nhóm Công ty cung cấp và khu vực địa lý mà Nhóm Công ty cung cấp sản phẩm, dịch vụ. Do vậy báo cáo bộ phận chính yếu của Nhóm Công ty là theo lĩnh vực kinh doanh và khu vực địa lý.

Năm 2023

	Doanh thu bán hàng nông sản	Doanh thu bán xe gắn máy và phụ tùng	Doanh thu khác	Tổng cộng
Doanh thu thuần	334.496.218.217	409.465.968.836	44.001.809.670	787.963.996.723
Giá vốn hàng bán	(369.306.254.286)	(377.338.991.193)	(22.254.080.016)	(768.899.325.495)
Lợi nhuận gộp	**(34.810.036.069)**	**32.126.977.643**	**21.747.729.654**	**19.064.671.228**

Năm 2022

	Doanh thu bán hàng nông sản	Doanh thu bán xe gắn máy và phụ tùng	Doanh thu khác	Tổng cộng
Doanh thu thuần	2.719.211.784.074	613.603.499.099	97.033.861.658	3.429.849.144.831
Giá vốn hàng bán	2.623.524.040.130)	(545.934.979.744)	(80.841.765.032)	(3.250.300.784.906)
Lợi nhuận gộp	**95.687.743.944**	**67.668.519.355**	**16.192.096.626**	**179.548.359.925**

Khu vực địa lý

Năm 2023

	Trong nước	Ngoài nước	Tổng cộng
Doanh thu thuần	772.305.833.985	15.658.162.738	787.963.996.723
Giá vốn hàng bán	(755.245.721.032)	(13.653.604.463)	(768.899.325.495)
Lợi nhuận gộp	**17.060.112.953**	**2.004.558.275**	**19.064.671.228**

Năm 2022

	Trong nước	Ngoài nước	Tổng cộng
Doanh thu thuần	1.662.556.725.154	1.767.292.419.677	3.429.849.144.831
Giá vốn hàng bán	(1.543.815.027.929)	(1.706.485.756.977)	(3.250.300.784.906)
Lợi nhuận gộp	**118.741.697.225**	**60.806.662.700**	**179.548.359.925**

4. Cam kết thuê hoạt động

Nhóm Công ty phải trả mức tiền thuê tối thiểu cho các hợp đồng thuê hoạt động không hủy ngang trong tương lai như sau:

	Số cuối năm	Số đầu năm
Dưới 1 năm	861.355.425	2.148.605.425
Từ 1 đến 5 năm	3.445.421.700	7.307.921.700
Trên 5 năm	23.990.379.725	26.436.735.150
Tổng cộng các khoản thanh toán tối thiểu	**28.297.156.850**	**35.893.262.275**

5. Cam kết góp vốn

	Số cuối năm	Số đầu năm
Cty TNHH MTV Dịch vụ nông nghiệp công nghệ cao Angimex	24.600.000.000	24.600.000.000
Công ty TNHH MTV Kỷ Nguyên Xanh Angimex	20.000.000.000	20.000.000.000
Tổng cộng các khoản góp vốn tối thiểu	**44.600.000.000**	**44.600.000.000**

6. Thông tin về hoạt động liên tục

Đến thời điểm 31/12/2023, Nhóm Công ty đã có số lỗ lũy kế trên Báo cáo tài chính hợp nhất là 160.173.420.802 VND. Khoản lỗ này đã làm cho vốn góp của chủ sở hữu tại ngày 31/12/2023 của Nhóm Công ty bị giảm xuống còn 21.826.579.198 VND, tương đương 11,99% vốn góp của chủ sở hữu.

Khả năng thanh toán nợ ngắn hạn

Tại ngày 31/12/2023, Nhóm Công ty có nợ phải trả ngắn hạn lớn hơn tài sản ngắn hạn là 837.404.307.254 VND (Tại ngày 01/01/2023, Công ty có nợ phải trả ngắn hạn lớn hơn tài sản ngắn hạn là 244.912.488.818 VND), điều này ảnh hưởng đến khả năng thanh toán nợ ngắn hạn của Nhóm Công ty và có thể sẽ ảnh hưởng đến khả năng hoạt động liên tục của Nhóm Công ty trong tương lai.

7. Các sự kiện phát sinh sau ngày kết thúc kỳ kế toán

Theo Biên bản Đại hội đồng cổ đông bất thường số 147/BB-ĐHĐCĐ năm 2023 được thông qua ngày 06 tháng 11 năm 2023, Công ty có kế hoạch thanh lý một số tài sản cũng như thoái vốn đầu tư vào các Công ty con và Công ty liên doanh, liên kết để tái cấu trúc hoạt động của Công ty, giảm khó khăn về nguồn vốn, chi phí lãi vay, giảm lỗ trong thời gian tới.

Huỳnh Minh Phương	**Trần Thị Cẩm Châm**	**Huỳnh Thanh Tùng**
Người lập	**Kế toán trưởng**	**Tổng Giám đốc**
		An Giang, ngày 25 tháng 3 năm 2024

CÔNG TY CỔ PHẦN
XUẤT NHẬP KHẨU AN GIANG

Số: 110../XNK-TCKT

(V/v Giải trình lợi nhuận năm 2023 đã kiểm toán so với lợi nhuận năm 2022 đã kiểm toán – Giải trình chênh lệch trước và sau kiểm toán và Giải trình ý kiến của Công ty kiểm toán)

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

An Giang, ngày 25 tháng 03 năm 2024

Kính gửi: **- Ủy ban Chứng khoán Nhà nước;**
- Sở Giao dịch Chứng khoán TP. Hồ Chí Minh.

Công ty CP Xuất nhập khẩu An Giang ("Angimex") xin giải trình về việc chênh lệch lợi nhuận sau thuế TNDN năm 2023 và giải trình ý kiến của Công ty kiểm toán như sau:

I. Giải trình Lợi nhuận năm 2023 đã kiểm toán so với Lợi nhuận năm 2022 đã kiểm toán:

1. Đối với BCTC riêng lẻ:

Trong năm 2023, doanh thu trên BCTC của Angimex giảm 2.509 triệu đồng, tương ứng giảm 89% so với cùng kỳ. Mặc dù các chi phí tài chính, chi phí bán hàng và chi phí quản lý có giảm nhưng vẫn ở mức cao nên công ty lỗ trong kỳ. Các chi phí lãi vay, dự phòng phải thu khó đòi và dự phòng vào công ty con, công ty liên doanh liên kết là nguyên nhân chính dẫn đến kết quả kinh doanh năm 2023 vẫn lỗ.

2. Đối với BCTC hợp nhất:

Tương tự báo cáo riêng, doanh thu trên BTC hợp nhất sụt giảm, dù chi phí tài chính, chi phí bán hàng và chi phí quản lý có giảm nhưng vẫn còn ở mức cao nên công ty lỗ trong kỳ. Các khoản trích lập dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi, chi phí tài chính và lỗ từ công ty liên doanh liên kết là nguyên nhân chủ làm Công ty lỗ trong kỳ.

Đơn vị tính: Triệu đồng

Chỉ tiêu	BCTC riêng				BCTC HN			
	2023	2022	Chênh lệch	%	2023	2022	Chênh lệch	%
Doanh thu thuần bán hàng & dịch vụ	306.784	2.816.021	-2.509.237	-89%	787.964	3.429.849	-2.641.885	-77%
Giá vốn hàng bán	285.833	2.675.451	-2.389.618	-89%	768.899	3.250.301	-2.481.401	-76%
Lợi nhuận gộp	20.950	140.570	-119.619	-85%	19.065	179.548	-160.484	-89%
Doanh thu hoạt động tài chính	41.610	50.525	-8.915	-18%	19.723	75.359	-55.636	-74%
Chi phí tài chính	226.292	286.278	-59.986	-21%	102.882	163.180	-60.298	-37%
Trong đó: chi phí lãi vay	*97.180*	*83.991*	*13.189*	*16%*	*111.261*	*94.123*	*17.138*	*18%*
Phần lãi lỗ trong Cty LDLK	00	00	00	0%	-22.637	5.126	-27.764	-542%
Chi phí bán hàng	7.875	138.153	-130.278	-94%	46.464	200.411	-153.946	-77%
Chi phí quản lý doanh nghiệp	37.718	70.378	-32.660	-46%	67.091	141.828	-74.736	-53%
Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh	-209.325	-303.714	94.389	-31%	-200.287	-245.384	45.097	-18%
Lợi nhuận khác	-3.099	14.056	-17.155	-122%	-20.347	14.925	-35.272	-236%
Tổng lợi nhuận trước thuế	-212.424	-289.658	77.234	-27%	-220.634	-230.459	9.825	-4%
Thuế TNDN	00	1.654	-1.654	-100%	231	2.523	-2.292	-91%
Lợi nhuận sau thuế TNDN	-212.424	-291.312	78.888	-27%	-220.866	-232.983	12.117	-5%

II. Giải trình chênh lệch KQKD năm 2023 trước và sau kiểm toán:

1. Đối với BCTC riêng lẻ:

Lợi nhuận năm 2023 chênh lệch trước và sau kiểm toán giảm thêm 26.897 triệu đồng chủ yếu là do:

- Báo cáo tài chính của công ty con và công ty liên doanh liên kết đã kiểm toán có thay đổi so với báo cáo tự lập dẫn đến phải trích lập thêm các khoản dự phòng tổn thất đầu tư vào kết quả kinh doanh trong kỳ.
- Khoản tiền bồi thường do khách hàng hủy hợp đồng thời điểm lập báo cáo tài chính tự lập do chưa đủ chứng từ ghi nhận thu nhập. Sau thời gian kiểm toán đã có đủ chứng từ làm cơ sở ghi nhận thu nhập khác trong kỳ nên chênh lệch thu nhập khác trước và sau kiểm toán.

2. Đối với BCTC hợp nhất:

Tương tự báo cáo riêng, lợi nhuận năm 2023 chênh lệch trước và sau kiểm toán chủ yếu là do:

- Báo cáo tài chính của công ty con và công ty liên doanh liên kết đã kiểm toán có thay đổi so với báo cáo tự lập dẫn đến chênh lệch lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước và sau kiểm toán.
- Khoản tiền bồi thường do khách hàng hủy hợp đồng thời điểm lập báo cáo tài chính tự lập do chưa đủ chứng từ ghi nhận thu nhập. Sau thời gian kiểm toán đã có đủ chứng từ làm cơ sở ghi nhận thu nhập khác trong kỳ nên chênh lệch thu nhập khác trước và sau kiểm toán.
-

Đơn vị tính: Triệu đồng

Chỉ tiêu	BCTC riêng 2023				BCTC HN 2023			
	Trước kiểm toán	Đã kiểm toán	Chênh lệch	%	Trước kiểm toán	Đã kiểm toán	Chênh lệch	%
Doanh thu thuần bán hàng & dịch vụ	306.784	306.784	00	0%	787.964	787.964	00	0%
Giá vốn hàng bán	285.833	285.833	00	0%	769.657	768.899	-757	0%
Lợi nhuận gộp	20.950	20.950	00	0%	18.307	19.065	757	4%
Doanh thu hoạt động tài chính	41.474	41.610	136	0%	19.587	19.723	136	1%
Chi phí tài chính	182.440	226.292	43.852	24%	102.724	102.882	158	0%
Trong đó: chi phí lãi vay	*97.180*	*97.180*	*00*	*0%*	*111.103*	*111.261*	*158*	*0%*
Phần lãi lỗ trong Cty LDLK	-	-	-	-	1.359	-22.637	-23.996	-1766%
Chi phí bán hàng	7.875	7.875	00	0%	46.464	46.464	00	0%
Chi phí quản lý doanh nghiệp	37.718	37.718	00	0%	70.767	67.091	-3.676	-5%
Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh	-165.609	-209.325	-43.716	26%	-180.702	-200.287	-19.585	11%
Lợi nhuận khác	-19.919	-3.099	16.820	-84%	-32.770	-20.347	12.422	-38%
Tổng lợi nhuận trước thuế	-185.527	-212.424	-26.897	14%	-213.472	-220.634	-7.163	3%
Thuế TNDN	00	00	00	0%	231	231	00	0%
Lợi nhuận sau thuế TNDN	-185.527	-212.424	-26.897	14%	-213.703	-220.866	-7.163	3%

III. Giải trình ý kiến kiểm toán:

1. Báo cáo tài chính riêng:

1.1 Cơ sở của ý kiến kiểm toán ngoại trừ:

Ý kiến của Công ty kiểm toán:

"Đến thời điểm phát hành báo cáo này, chúng tôi vẫn chưa nhận được thư xác nhận số dư của các khoản mục công nợ tại ngày 31 tháng 12 năm 2023 với số tiền như sau:

Khoản mục	*VND*
Phải thu ngắn hạn của khách hàng	*23.054.500.000*
Trả trước cho người bán ngắn hạn	*36.169.390.000*

Với những tài liệu hiện có của Công ty, chúng tôi cũng không thể thực hiện các thủ tục kiểm toán thay thế khác để có thể kiểm tra tính có thực và đầy đủ của số dư các khoản công nợ nêu trên (các khoản công nợ này đã được trích lập dự phòng nợ phải thu khó đòi 100%)."

Giải trình của Angimex: Các khách hàng này đã tạm ngừng kinh doanh, dổi địa chỉ kinh doanh hoặc địa chỉ không rõ ràng… dẫn đến không liên hệ được. Mặc dù Angimex đã cố gắng gửi hồ sơ đối chiếu công nợ cho khách hàng tuy nhiên vẫn không nhận được thư xác nhận số dư công nợ.

Ý kiến của Công ty kiểm toán:

"Báo cáo tài chính riêng cho thấy Công ty đã phát sinh khoản lỗ lũy kế tại ngày 31 tháng 12 năm 2023 số tiền là 265.112.916.686 VND. Khoản lỗ này đã làm cho vốn góp của chủ sở hữu tại ngày 31 tháng 12 năm bị âm mất vốn số tiền là 83.112.916.686 VND, tương đương 145,67% vốn góp của chủ sở hữu. Và cũng tại ngày này nợ phải trả ngắn hạn của Công ty lớn hơn tài sản ngắn hạn là 868.141.442.961 VND, trong đó một phần do bao gồm khoản huy động trái phiếu chuyển từ khoản mục vay dài hạn sang khoản mục vay ngắn hạn là 560.001.000.000 VND (Tại ngày 01 tháng 01 năm 2023, nợ phải trả ngắn hạn của Công ty lớn hơn tài sản ngắn hạn là 496.243.017.169 VND), và thanh khoản trái phiếu ảnh hưởng đến tình hình hoạt động kinh doanh của Công ty. Giả định về hoạt động liên tục của Công ty phụ thuộc vào khả năng Công ty có thể thanh toán hoặc tái cấu trúc lại các khoản nợ vay và trái phiếu sắp đáo hạn, cũng như thực hiện các giải pháp khác để tạo ra dòng tiền để tài trợ cho hoạt động kinh doanh của Công ty như đã được trình bày tại Thuyết minh VIII.8. Những điều kiện này cùng những vấn đề khác được nêu trong thuyết minh VIII.7 cho thấy sự tồn tại của yếu tố không chắc chắn trọng yếu có thể dẫn đến nghi ngờ đáng kể về khả năng hoạt động liên tục của Công ty"

Giải trình của Angimex: Theo Biên bản Đại hội đồng cổ đông bất thường số 147/BB-ĐHĐCĐ năm 2023 được thông qua ngày 06 tháng 11 năm 2023, Công ty đã lên kế hoạch thanh lý một số tài sản cũng như thoái vốn đầu tư vào các Công ty con và Công ty liên doanh, liên kết để bổ sung vốn lưu động. Đồng thời công ty đang lên kế hoạch huy động vốn từ các tổ chức tín dụng hoặc phát hành cổ phiếu riêng lẻ để bổ sung vốn lưu động và lên phương án xử lý nợ gói trái phiếu AGMH2123001 tại thời điểm lập báo cáo tài chính năm 2023. Dựa trên cơ sở này, Công ty dự kiến có thể hoàn trả các khoản nợ và tiếp tục hoạt động trong kỳ kế toán tiếp theo nên Công ty tiến hành lập báo cáo trên cơ sở đáp ứng giả định hoạt động liên tục.

1.2 Vấn đề cần nhấn mạnh:

Ý kiến của Công ty kiểm toán:

"Như đã nêu tại điểm I.4 của Thuyết minh báo cáo tài chính, vào ngày 18 tháng 01 năm 2023, Hội đồng Quản trị của Công ty đã ban hành Nghị quyết Hội đồng Quản trị số 207/NQ-HĐQT thông qua việc chuyển nhượng 100% vốn góp của Công ty tại Công ty TNHH Dịch vụ Phát triển Nông nghiệp Đồng Tháp (Công ty con). Vào ngày 10 tháng 3 năm 2023, Công ty đã ký Hợp đồng chuyển nhượng 98% vốn góp nêu trên cho Công ty TNHH Khánh Tây Đô theo Hợp đồng chuyển nhượng số 94/HĐCNPVG-CTY DASCO. Tại ngày 31 tháng 12 năm 2023, Công ty TNHH Dịch vụ Phát triển Nông nghiệp Đồng Tháp không còn là công ty con của Công ty CP Xuất nhập khẩu An Giang. Tuy nhiên, đến ngày 31 tháng 12 năm 2023, Công ty TNHH Khánh Tây Đô đã chưa thực hiện thanh toán đầy đủ khoản chuyển nhượng vốn góp theo thỏa thuận của Hợp đồng nêu trên với số tiền còn nợ là 17.000.000.000 VND, tương đương 34% giá mua. Ngày 08 tháng 01 năm 2024, Công ty đã nộp Đơn tố giác tội phạm đối với Công ty TNHH Khánh Tây Đô đến Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an tỉnh Đồng Tháp. Trường hợp Công ty TNHH Khánh Tây Đô vẫn không thanh toán nợ, Công ty sẽ thu hồi phần vốn góp tại Công ty TNHH Dịch vụ Phát triển Nông nghiệp Đồng Tháp tương ứng với số nợ không đòi được nêu trên."

Giải trình của Angimex: Công ty đang trong quá trình thực hiện tố giác tội phạm đối với Công ty TNHH Khánh Tây Đô đến Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an tỉnh Đồng Tháp. Trường hợp Công ty TNHH Khánh Tây Đô vẫn không thanh toán nợ, Công ty sẽ thu hồi phần vốn góp tại Công ty TNHH Dịch vụ Phát triển Nông nghiệp Đồng Tháp tương ứng với số nợ không đòi được.

Ý kiến của Công ty kiểm toán:

"Như đã trình bày tại điểm V.15 của Thuyết minh báo cáo tài chính, khoản trích lập dự phòng giảm giá đầu tư tài chính vào Công ty TNHH Thương mại Louis Angimex được căn cứ trên Báo cáo tài chính năm 2023 chưa được kiểm toán. Do vậy, khoản dự phòng này có thể thay đổi khi có kết quả kiểm toán Báo cáo tài chính năm 2023 của Công ty TNHH Thương mại Louis Angimex."

Giải trình của Angimex: Công ty TNHH Thương mại Louis Angimex đã tạm ngừng kinh doanh từ ngày 01 tháng 05 năm 2023 đến ngày 30 tháng 04 năm 2024 nên không thực hiện kiểm toán Báo cáo tài chính năm 2023. Công ty thực hiện trích lập dự phòng theo báo cáo tài chính tự lập của Công ty TNHH Thương mại Louis Angimex.

Ý kiến của Công ty kiểm toán:

"Như đã nêu tại điểm I.4 của Thuyết minh báo cáo tài chính, trong năm 2023, do tình hình kinh doanh khó khăn nên hai Công ty con mà Công ty sở hữu 100% vốn là Công ty TNHH MTV Angimex Định Thành và Công ty TNHH MTV Chế biến lương thực Đồng Tháp đã tạm ngưng hoạt động sản xuất kinh doanh mà chuyển sang cho thuê nhà máy, tài sản."

Giải trình của Angimex: Trong năm 2023 do thiếu vốn lưu động nên Công ty TNHH MTV Angimex Định Thành và Công ty TNHH MTV Chế biến lương thực Đồng Tháp tạm ngưng hoạt động sản xuất, chuyển sang cho thuê nhà máy, tài sản. Công ty sẽ thực hiện hoạt động sản xuất trở lại khi Angimex tái cấu trúc và bổ sung nguồn vốn lưu động.

2. Báo cáo tài chính hợp nhất:

2.1 Cơ sở của ý kiến kiểm toán ngoại trừ:

Ý kiến của Công ty kiểm toán:

"Đến thời điểm phát hành báo cáo này, chúng tôi vẫn chưa nhận được thư xác nhận số dư của các khoản mục công nợ tại ngày 31 tháng 12 năm 2023 với số tiền như sau:

Khoản mục	***VND***
Phải thu ngắn hạn của khách hàng	*37.671.329.850*
Trả trước cho người bán ngắn hạn	*94.540.390.000*
Phải thu ngắn hạn khác	*34.059.201.800*

Với những tài liệu hiện có của Nhóm Công ty, chúng tôi cũng không thể thực hiện các thủ tục kiểm toán thay thế khác để có thể kiểm tra tính có thực và đầy đủ của số dư các khoản công nợ nêu trên (các khoản công nợ này đã được trích lập dự phòng nợ phải thu khó đòi 100%)."

Giải trình của Angimex: Các khách hàng này đã tạm ngừng kinh doanh, đổi địa chỉ kinh doanh hoặc địa chỉ không rõ ràng… dẫn đến không liên hệ được. Mặc dù Angimex đã cố gắng gửi hồ sơ đối chiếu công nợ cho khách hàng tuy nhiên vẫn không nhận được thư xác nhận số dư công nợ.

Ý kiến của Công ty kiểm toán:

"-Báo cáo tài chính hợp nhất cho thấy Nhóm Công ty đã phát sinh khoản lỗ lũy kế tại ngày 31 tháng 12 năm 2023 số tiền 160.173.420.802 VND (tại ngày 01tháng 01 năm 2023 là 70.736.709.418 VND). Khoản lỗ này đã làm cho vốn góp của chủ sở hữu tại ngày 31 tháng 12 năm 2023 bị giảm xuống chỉ còn 21.826.579.198 VND, tương đương 11,99%vốn góp của chủ sở hữu. Và cũng tại ngày này nợ phải trả ngắn hạn của Nhóm Công ty lớn hơn tài sản ngắn hạn là 837.404.307.254 VND, trong đó một phần do bao gồm khoản huy động trái phiếu chuyển từ khoản mục vay dài hạn sang khoản mục vay ngắn hạn là 560.001.000.000 VND (Tại ngày 01/01/2023, Nhóm Công ty có nợ phải trả ngắn hạn lớn hơn tài sản ngắn hạn là 244.912.488.818 VND), và thanh khoản trái phiếu ảnh hưởng đến tình hình hoạt động kinh doanh của Nhóm Công ty. Giả định về hoạt động liên tục của Nhóm Công ty phụ thuộc vào khả năng Nhóm Công ty có thể thanh toán hoặc tái cấu trúc lại các khoản nợ vay và trái phiếu sắp đáo hạn, cũng như thực hiện các giải pháp khác để tạo ra dòng tiền để tài trợ cho hoạt động kinh doanh của Nhóm Công ty như đã được trình bày tại Thuyết minh VIII.8. Những điều kiện này cùng những vấn đề khác được nêu trong thuyết minh VIII.7 cho thấy sự tồn tại của yếu tố không chắc chắn trọng yếu có thể dẫn đến nghi ngờ đáng kể về khả năng hoạt động liên tục của Nhóm Công ty"

Giải trình của Angimex: Theo Biên bản Đại hội đồng cổ đông bất thường số 147/BB-ĐHĐCĐ năm 2023 được thông qua ngày 06 tháng 11 năm 2023, Công ty đã lên kế hoạch thanh lý một số tài sản cũng như thoái vốn đầu tư vào các Công ty con và Công ty liên doanh, liên kết để bổ sung vốn lưu động. Đồng thời công ty đang lên kế hoạch huy động vốn từ các tổ chức tín dụng hoặc phát hành cổ phiếu riêng lẻ để bổ sung vốn lưu động và lên phương án xử lý nợ gói trái phiếu AGMH2123001 tại thời điểm lập báo cáo tài chính năm 2023. Dựa trên cơ sở này, Công ty dự kiến có thể hoàn trả các khoản nợ và tiếp tục hoạt động trong kỳ kế toán tiếp theo nên Công ty tiến hành lập báo cáo trên cơ sở đáp ứng giả định hoạt động liên tục.

Ý kiến của Công ty kiểm toán:

"Như đã nêu tại điểm 7.1 mục V của Thuyết minh báo cáo tài chính, khoản tạm ứng của Bà Lương Đặng Xuân để phục vụ cho hoạt động sản xuất kinh doanh của Nhóm Công ty phát sinh từ năm 2021 nhưng đến thời điểm phát hành bản báo cáo này vẫn chưa thực hiện nhưng Nhóm Công ty cũng chưa thu hồi được với số tiền là 28.746.257.760 VND. Theo ý kiến của chúng tôi, khoản nợ tạm ứng nêu trên khó có khả năng thu hồi và có thể là một khoản thiệt hại làm cho tài sản cũng như vốn chủ sở hữu của Nhóm Công ty sụt giảm một khoản tương ứng"

Giải trình của Angimex: Khoản tạm ứng này phát sinh trước khi Angimex mua lại Công ty TNHH MTV Định Thành và đang trong quá trình làm việc với bên bán để thu hồi lại nên Công ty chưa thực hiện trích lập dự phòng.

2.2 Vấn đề cần nhấn mạnh

Ý kiến của Công ty kiểm toán:

"Chúng tôi cũng lưu ý người đọc đến Thuyết minh V.5 của Báo cáo tài chính hợp nhất cho thấy Nhóm Công ty đã ký Hợp đồng hợp tác số 01/2021/CBLT-CN ngày 20 tháng 12 năm 2021 với bà Từ Thị Hồng Thanh để thực hiện thu mua lúa gạo. Theo hợp đồng nêu trên, Nhóm Công ty đã tạm ứng cho Bà Từ Thị Hồng Thanh số tiền 62.000.000.000 VND. Trong năm 2022, Bà Từ Thị Hồng Thanh đã thực hiện hoàn được 37.500.000.000 VND, số còn ứng tại ngày 31/12/2023 là 24.500.000.000 VND hiện đã quá hạn thanh toán. Theo Hợp đồng nêu trên, Bà Từ Thị Hồng Thanh cam kết thế chấp quyền sử dụng đất và nhà kho theo Hợp đồng mua bán tài sản đấu giá theo số công chứng 279 ngày 17/8/2021 với giá trị trúng đấu giá là 11.512.000.000 VND. Tuy nhiên, đến nay Nhóm Công ty chưa nắm giữ được tài sản đảm bảo này. Năm 2023, Nhóm Công ty đã nộp hồ sơ khởi kiện Bà Từ Thị Hồng Thanh. Ngày 23/01/2024, Tòa án nhân dân thành phố Long Xuyên đã ban hành Quyết định số 55/2024/QĐXXST-ĐS ngày 23/01/2024 đưa vụ án ra xét xử. Ngày 12/03/2024, Tòa mở phiên toà xét xử sơ thẩm và buộc Bà Từ Thị Hồng Thanh có trách nhiệm phải trả số tiền 24.500.000.000 VND cho Công ty."

Giải trình của Angimex: Nhóm Công ty đã nộp hồ sơ khởi kiện Bà Từ Thị Hồng Thanh để thực hiện thu hồi khoản tạm ứng, đang trong quá trình chờ thu hồi theo bản án của Tòa Án.

Ý kiến của Công ty kiểm toán:

"Chúng tôi cũng lưu ý người đọc đến Thuyết minh V.5 của Báo cáo tài chính hợp nhất cho thấy tại ngày 24 tháng 3 năm 2022, Nhóm Công ty đã chuyển tiền cho Ông Lê Quang Nhuận, căn cước công dân số 089085000196 cấp ngày 27/3/2018 tại Cục Cảnh sát ĐKQL cư trú và DLQG về dân cư, thường trú tại 678 Kinh Dương Vương, An Lạc, Quận Bình Tân, TP. Hồ Chí Minh số tiền 20.000.000.000 VND thông qua tài khoản của bên thụ hưởng số 1018103503 tại Ngân hàng TMCP Sài Gòn – Hà Nội (SHB) – Chi nhánh Phú Nhuận. Đây là khoản tạm ứng để chuyển nhượng quyền sử dụng đất có diện tích là 11.300 m2 tại xã Hòa An, huyện Chợ Mới, tỉnh An Giang. Tuy nhiên, đến nay Ông Lê Quang Nhuận đã không tiến hành ký kết hợp đồng chuyển nhượng Quyền sử dụng đất nêu trên cho Nhóm Công ty cũng không hoàn trả lại cho Nhóm Công ty số tiền đã nhận ứng trước. Ngày 23 tháng 01 năm 2024, Nhóm Công ty đã làm đơn tố cáo gửi Cơ quan cảnh sát điều tra – Công an tỉnh An Giang và Viện kiểm sát nhân dân tỉnh An Giang để xử lý vụ việc."

Giải trình của Angimex: Nhóm Công ty đã gửi đơn tố cáo Ông Lê Quang Nhuận đến Cơ quan cảnh sát điều tra – Công an tỉnh An Giang và Viện kiểm sát nhân dân tỉnh An Giang để thực hiện thu hồi khoản phải thu, đang trong quá trình chờ cơ quan chức năng xử lý vụ việc.

Ý kiến của Công ty kiểm toán:

"Như đã nêu tại điểm I.4 của Thuyết minh báo cáo tài chính, vào ngày 18 tháng 01 năm 2023, Hội đồng Quản trị của Công ty đã ban hành Nghị quyết Hội đồng Quản trị số 207/NQ-HĐQT thông qua việc chuyển nhượng 100% vốn góp của Công ty tại Công ty TNHH Dịch vụ Phát triển Nông nghiệp Đồng Tháp (Công ty con). Vào ngày 10 tháng 3 năm 2023, Công ty đã ký Hợp đồng chuyển nhượng 98% vốn góp nêu trên cho Công ty TNHH Khánh Tây Đô theo Hợp đồng chuyển nhượng số 94/HĐCNPVG-CTY DASCO. Tại ngày 31 tháng 12 năm 2023, Công ty TNHH Dịch vụ Phát triển Nông nghiệp Đồng Tháp không còn là công ty con của Công ty CP Xuất nhập khẩu An Giang. Tuy nhiên, đến ngày 31 tháng 12 năm 2023, Công ty TNHH Khánh Tây Đô đã chưa thực hiện thanh toán đầy đủ khoản chuyển nhượng vốn góp theo thoả thuận của Hợp đồng nêu trên với số tiền còn nợ là 17.000.000.000 VND, tương đương 34% giá mua. Ngày 08 tháng 01 năm 2024, Công ty nộp Đơn tố giác tội phạm đối với Công ty TNHH Khánh Tây Đô đến Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an tỉnh Đồng Tháp. Trường hợp Công ty TNHH Khánh Tây Đô vẫn không thanh toán nợ, Công ty sẽ thu hồi phần vốn góp tại Công ty TNHH Dịch vụ Phát triển Nông nghiệp Đồng Tháp tương ứng với số nợ không đòi được."

Giải trình của Angimex: Công ty đang trong quá trình thực hiện tố giác tội phạm đối với Công ty TNHH Khánh Tây Đô đến Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an tỉnh Đồng Tháp. Trường hợp Công ty TNHH Khánh Tây Đô vẫn không thanh toán nợ, Công ty sẽ thu hồi phần vốn góp tại Công ty TNHH Dịch vụ Phát triển Nông nghiệp Đồng Tháp tương ứng với số nợ không đòi được.

Ý kiến của Công ty kiểm toán:

"Chúng tôi cũng lưu ý người đọc đến Thuyết minh V.18 của Báo cáo tài chính hợp nhất, giá trị hợp lý của tài sản thuần theo chứng thư thẩm định giá số 130823 - 01/CT-SP ngày 08/8/2023 do Công ty TNHH Thẩm định giá và đào tạo Song Pha thẩm định chỉ thẩm định lại giá trị của tài sản cố định hữu hình và vô hình mà không thẩm định lại các khoản nợ phải thu khó đòi và tài sản thiếu của Công ty TNHH MTV Chế biến Lương Thực Đồng Tháp. Các khoản nợ phải thu khó đòi và tài sản thiếu này được Nhóm Công ty đưa về xác định lại giá trị lợi thế thương mại tại ngày mua theo ước tính của chúng tôi là 35.364.271.475 VND. Trong đó, bao gồm tiền tạm ứng của nhân viên đã nghỉ việc là 33.359.201.800 VND và tiền thiếu so với tồn quỹ thực tế là 2.005.069.675 VND."

Giải trình của Angimex: Vì giá trị hợp lý của tài sản thuần theo chứng thư thẩm định giá số 130823 - 01/CT-SP ngày 08/8/2023 do Công ty TNHH Thẩm định giá và đào tạo Song Pha thẩm định chỉ thẩm định lại giá trị của tài sản cố định hữu hình và vô hình mà không thẩm định lại các khoản nợ phải thu khó đòi và tài sản thiếu của Công ty TNHH MTV Chế biến Lương Thực Đồng Tháp nên Công ty thực hiện đánh giá lại giá trị hợp lý tài sản thuần có thể xác định được của công ty con tại ngày mua do Công ty nắm giữ để ghi nhận lợi thế thương mại.

Ý kiến của Công ty kiểm toán:

"Như đã trình bày tại điểm VI.5 của Thuyết minh báo cáo tài chính, lãi lỗ từ công ty liên doanh liên kết được căn cứ vào các Báo cáo tài chính năm 2023 đã được kiểm toán của các công ty liên doanh liên kết, ngoại trừ Báo cáo tài chính năm 2023 của Công ty TNHH Thương mại Louis Angimex. Do vậy, lãi lỗ từ công ty liên doanh liên kết này có thể thay đổi khi có kết quả kiểm toán Báo cáo tài chính năm 2023 của Công ty TNHH Thương mại Louis Angimex."

Giải trình của Angimex: Công ty TNHH Thương mại Louis Angimex đã tạm ngừng kinh doanh từ ngày 01 tháng 05 năm 2023 đến ngày 30 tháng 04 năm 2024 nên không thực hiện kiểm toán Báo cáo tài chính năm 2023. Công ty thực hiện trích lập dự phòng theo báo cáo tài chính tự lập của Công ty TNHH Thương mại Louis Angimex..

Ý kiến của Công ty kiểm toán:

"Như đã nêu tại điểm I.4 của Thuyết minh báo cáo tài chính, trong năm 2023, do tình hình kinh doanh khó khăn nên hai Công ty con mà Công ty sở hữu 100% vốn là Công ty TNHH MTV Angimex Định Thành và Công ty TNHH MTV Chế biến lương thực Đồng Tháp đã tạm ngưng hoạt động sản xuất kinh doanh mà chuyển sang cho thuê nhà máy, tài sản."

Giải trình của Angimex: Trong năm 2023 do thiếu vốn lưu động nên Công ty TNHH MTV Angimex Định Thành và Công ty TNHH MTV Chế biến lương thực Đồng Tháp tạm ngưng hoạt động sản xuất, chuyển sang cho thuê nhà máy, tài sản. Công ty sẽ thực hiện hoạt động sản xuất trở lại khi Angimex tái cấu trúc và bổ sung nguồn vốn lưu động.

Kính trình Ủy ban Chứng khoán Nhà nước và Sở Giao dịch Chứng khoán TP Hồ Chí Minh được biết.

Trân trọng kính chào./.

TỔNG GIÁM ĐỐC

M.S.D.N: 1600230720 C.T.C.P CÔNG TY CP XUẤT NHẬP KHẨU AN GIANG T.P LONG XUYÊN - T. AN GIANG

HUỲNH THANH TÙNG

Nơi nhận:
- *Như trên;*
- *Lưu VT, Thư ký HĐQT*